

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN NGỌC HẢI

**QUẢN LÝ THU BẢO HIỂM XÃ HỘI TẠI
HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

HÀ NỘI, năm 2019

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN NGỌC HẢI

**QUẢN LÝ THU BẢO HIỂM XÃ HỘI TẠI
HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

Chuyên ngành : Quản lý kinh tế

Mã số : 8 34 04 10

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. NGUYỄN PHÚ THÁI**

HÀ NỘI, năm 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng, số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn “*Quản lý thu bảo hiểm xã hội tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam*” là trung thực, chính xác và không trùng lặp với các đề tài khác trong cùng lĩnh vực.

Các thông tin, tài liệu trình bày trong luận văn này được trích dẫn có nguồn gốc rõ ràng.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2019

Người cam đoan

Trần Ngọc Hải

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ QUẢN LÝ THU BẢO HIỂM XÃ HỘI	6
1.1. Những vấn đề cơ bản về bảo hiểm xã hội	6
1.2. Những vấn đề cơ bản về thu bảo hiểm xã hội	14
1.3. Quản lý thu bảo hiểm xã hội	17
1.4. Kinh nghiệm của một số địa phương trong tỉnh Quảng Nam	33
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THU BẢO HIỂM XÃ HỘI TẠI HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM	35
2.1. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội và tổ chức Bảo hiểm xã hội huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	35
2.2. Thực trạng thu bảo hiểm xã hội tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013 - 2017.....	43
2.3. Thực trạng quản lý thu bảo hiểm xã hội tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013-2017.....	49
2.4. Đánh giá thực trạng công tác quản lý thu của huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	59
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU BẢO HIỂM XÃ HỘI TẠI HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM	63
3.1. Mục tiêu, định hướng về phát triển công tác thu bảo hiểm xã hội của huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam trong thời gian đến	63
3.2. Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu bảo hiểm xã hội tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	64
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
DNNN	Doanh nghiệp Nhà nước
DNNQD	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh
DNVĐTNN	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
HCSN	Hành chính sự nghiệp
NSNN	Ngân sách nhà nước
NCL	Ngoài công lập
NLĐ	Người lao động
SDLĐ	Sử dụng lao động
UBND	Ủy ban nhân dân
TTHC	Thủ tục hành chính
CNTT	Công nghệ thông tin
TM-DV	Thương mại – dịch vụ
SX-CB	Sản xuất – chế biến

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Số đơn vị tham gia BHXH tại BHXH huyện Quế Sơn,	43
giai đoạn 2013 – 2017	43
Bảng 2.2. Số lao động tham gia BHXH bắt buộc tại BHXH huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013 – 2017	45
Bảng 2.3. Kết quả thu BHXH bắt buộc tại BHXH huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2013- 2017	46
Bảng 2.4. Tình hình quản lý lao động tham gia BHXH tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2013-2017	49
Bảng 2.5: Quỹ tiền lương, tiền công đóng BHXH trên đại bàn huyện Quế Sơn, giai đoạn 2013 - 2017	51
Bảng 2.6: Phân bổ cán bộ quản lý thu BHXH tính đến tháng 12/2017	54
Bảng 2.7: Tình hình kiểm tra đóng BHXH của BHXH huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2013-2017	55
Bảng 2.8: Tình hình nợ BHXH bắt buộc tại BHXH huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2013 - 2017	56
Bảng 2.9. Tình hình nợ đọng BHXH của các DNNQD tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2013 - 2017	58

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Quy trình quản lý thu BHXH bắt buộc.....	32
Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Bảo hiểm xã hội huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.....	39

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

“Bảo hiểm xã hội là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, đời sống nhân dân, phát triển bền vững đất nước” NQ28-NQ/TW.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện chính sách an sinh xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, coi đó vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển bền vững đất nước, thể hiện tính ưu việt, bản chất tốt đẹp của chế độ ta. Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và NLĐ đã tích cực triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về BHXH và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Hệ thống pháp luật, chính sách BHXH, bao gồm các chế độ hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và bảo hiểm thất nghiệp đã từng bước được hoàn thiện, ngày càng đồng bộ, phù hợp với thực tế đất nước và thông lệ quốc tế. Chính sách BHXH đã từng bước khẳng định và phát huy vai trò là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội, là sự bảo đảm thay thế, hoặc bù đắp một phần thu nhập cho NLĐ khi họ gặp phải những rủi ro trong cuộc sống.

Ở Việt Nam hiện nay, BHXH là hoạt động do Nhà nước tổ chức thực hiện và quản lý, không vì mục đích lợi nhuận. Vì vậy, yếu tố quản lý luôn được xem là vấn đề quan trọng khi thực hiện thu BHXH. Quế Sơn là một huyện trung du của tỉnh Quảng Nam, hiện nay đang có sự chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đã và đang thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư vào. Việc hình thành các khu, cụm công nghiệp đang thu hút một lượng lớn lao động.

Trong những năm qua, chính sách BHXH được triển khai và đạt những kết quả hết sức khả quan, kết quả thu BHXH năm sau luôn cao hơn năm trước cả về số đơn vị, số người tham gia cũng như số tiền thu. Công tác thu BHXH là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong công tác của ngành BHXH, do vậy luôn được BHXH

huyện quan tâm và thực hiện quản lý tốt góp phần ổn định kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn huyện.

Tuy nhiên, việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách BHXH vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Hệ thống chính sách, pháp luật về BHXH chưa theo kịp tình hình phát triển kinh tế - xã hội, chưa thích ứng với quá trình già hoá dân số và sự xuất hiện các quan hệ lao động mới. Việc mở rộng và phát triển đối tượng tham gia BHXH còn dưới mức tiềm năng; độ bao phủ BHXH tăng chậm; số người hưởng BHXH một lần tăng nhanh. Tình trạng trốn đóng, nợ đọng, gian lận, trục lợi BHXH chậm được khắc phục.

Thực tế đó đã đặt ra yêu cầu cần có sự nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện vấn đề quản lý thu BHXH trong giai đoạn hiện nay trên địa bàn huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, nhằm tìm ra những giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thu BHXH trên địa bàn huyện, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong điều kiện nền kinh tế hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Với những yêu cầu nêu trên, tác giả chọn đề tài nghiên cứu: *“Quản lý thu bảo hiểm xã hội tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam”* cho luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

BHXH là cơ quan thuộc Chính phủ, qua đó cũng đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về lĩnh vực này như:

Luận văn thạc sĩ kinh tế của học viên Nguyễn Minh Nghĩa tại Trường Đại học Thương mại: *“Quản lý hoạt động thu BHXH tại BHXH quận Hà Đông, thành phố Hà Nội-2004”*. Luận văn này làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý thu BHXH tại BHXH quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thu BHXH tại quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Luận văn thạc sĩ kinh tế của học viên Chu Ngọc Mai tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội: *“Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thu-chi BHXH tại BHXH thành phố Hà Nội-2009”*. Luận văn đã phân tích thực trạng và giải pháp nâng cao kết quả hoạt động thu – chi tại cơ quan BHXH thành phố Hà Nội.

Luận án tiến sĩ *“Hoàn thiện cơ chế thu BHXH ở Việt Nam – 2010”* của tác giả

Phạm Trường Giang. Đề tài nghiên cứu sự phối hợp giữa các bộ phận trong hệ thống thu BHXH, từ đó đề xuất các giải pháp thích hợp hoàn thiện cơ chế thu BHXH.

Luận văn thạc sỹ Quản trị kinh doanh của học viên Đinh Trọng Vân tại Trường Đại học Kinh tế Huế: “ Hoàn thiện công tác quản lý thu BHXH tại BHXH thành phố Thanh Hóa - 2015”. Luận văn làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về BHXH và quản lý thu bảo hiểm xã hội. Phân tích, đánh giá được thực trạng công tác quản lý thu BHXH trên địa bàn thành phố Thanh Hóa trong những năm 2009 đến 2013. Từ đó chỉ ra rõ những khó khăn, vướng mắc của công tác quản lý thu BHXH. Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến tác động đến hoạt động quản lý thu BHXH. Xác định những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu BHXH trên địa bàn thành phố Thanh Hóa.

Chính từ những công trình nghiên cứu trên, đã đánh giá một cách tổng quan về công tác thu BHXH, từ đó giúp người đọc tìm hiểu một cách khoa học nhất về các chính sách BHXH và đang được kế thừa, áp dụng hiện nay. Các đề tài nghiên cứu đó đã nghiên cứu những khó khăn trong công tác thu BHXH nhưng chưa đề cập đến vấn đề quản lý thu BHXH tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy, đề tài mà tác giả lựa chọn không trùng lặp với các nghiên cứu trước đó.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Trên cơ sở các quy định của pháp luật về BHXH và từ thực tiễn quản lý thu BHXH tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Luận văn phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thu BHXH, đảm bảo công tác an sinh xã hội trên địa bàn huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3.2. Nhiệm vụ

Làm rõ cơ sở lý luận về bảo hiểm xã hội, quản lý thu bảo hiểm xã hội.

Phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý thu BHXH tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013-2017. Từ đó, chỉ rõ những khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý thu BHXH.

Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến tác động của việc quản lý thu

BHXH.

Xác định những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thu BHXH tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu công tác quản lý thu BHXH tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam

4.2. Phạm vi nghiên cứu

4.2.1. Nội dung nghiên cứu

Luận văn chỉ tập trung đi sâu vào nghiên cứu quản lý thu BHXH bắt buộc tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Các nội dung khác như: Quản lý thu BHXH tự nguyện, quản lý quỹ BHXH, quản lý thu BHYT,... không đề cập trong luận văn này.

4.2.2. Phạm vi về không gian và thời gian

Luận văn nghiên cứu về thực trạng quản lý thu BHXH tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam

Các số liệu thu thập để đánh giá thực trạng quản lý thu BHXH tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam trong giai đoạn 2013-2017

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Luận văn được nghiên cứu dựa trên phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lenin. Học viên thực hiện nghiên cứu đề tài giữa lý luận và thực tiễn để làm sáng tỏ các vấn đề liên quan đến pháp luật về thu BHXH.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện mục đích và nhiệm vụ của luận văn, trong quá trình nghiên cứu, tác giả lựa chọn và sử dụng các phương pháp: Phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp thống kê, phương pháp so sánh, phương pháp nghiên cứu hệ thống.

6. Ý nghĩa và thực tiễn

Luận văn là công trình nghiên cứu của học viên ở cấp là thạc sỹ. Nghiên cứu một cách có hệ thống và tương đối toàn diện dưới góc độ lý luận và thực tiễn từ

huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ có nhiều đóng góp về mặt khoa học và ý nghĩa thực tiễn trong việc quản lý thu BHXH, phát triển đối tượng tham gia BHXH và đảm bảo việc thực hiện thu đúng, thu đủ, thu kịp thời nhằm đáp ứng mục đích an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước. Do đó, việc nghiên cứu đề tài Quản lý thu BHXH qua thực tiễn tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam sẽ có những đóng góp nhất định về việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về thu BHXH nói riêng, hệ thống pháp luật về an sinh xã hội nói chung.

Luận văn góp phần làm rõ thêm pháp luật về thu BHXH theo Luật BHXH từ thực tiễn huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam và những giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thu BHXH, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về, quản lý tốt việc thu BHXH trên địa bàn huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam nói riêng và trên cả nước nói chung.

7. Kết cấu đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị. Luận văn kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về bảo hiểm xã hội và quản lý thu bảo hiểm xã hội

Chương 2: Thực trạng công tác quản lý thu bảo hiểm xã hội tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thu bảo hiểm xã hội tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ QUẢN LÝ THU BẢO HIỂM XÃ HỘI

1.1. Những vấn đề cơ bản về bảo hiểm xã hội

1.1.1. Khái niệm bảo hiểm xã hội

Bảo hiểm xã hội là một trong những loại hình bảo hiểm ra đời khá sớm và ngày nay đã được phổ biến ở tất cả các nước trên thế giới, đây là một loại hình bảo hiểm đặc biệt, nó ít mang tính chất kinh doanh thương mại mà chủ yếu là tính nhân đạo và nhân văn cao cả.

Ở nước ta, BHXH được Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm ngay từ khi còn tìm đường cứu nước đến trước lúc đi xa, Người đã nhiều lần đề cập đến cụm từ "Bảo hiểm xã hội" và khẳng định bảo hiểm xã hội là một chính sách cơ bản đối với người lao động. Trong bài báo cáo về những Nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương về phong trào nông dân viết cuối năm 1930, Người chỉ rõ trong đấu tranh của nông dân, đặc biệt "đòi bảo hiểm xã hội, ngày nghỉ được trả công"[11,tr.21]. Năm 1941, khi về nước, trong 10 chính sách của Việt Nam, thì chính sách BHXH được Người đề cập khá toàn diện, với việc ký hàng loạt Sắc lệnh: số 54 (03/11/1945) quy định điều kiện về hưu cho công chức các ngạch; số 58 (10/11/1945) về việc nghỉ gia hạn không lương cho công chức tất cả các ngạch; số 74 (17/12/1945) quy định chế độ hưu cho các nhân viên, công chức mắc bệnh lao, bệnh phong phải nghỉ việc dài ngày. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về BHXH đã được thể hiện trong Hiến pháp 1946, Hiến pháp 1959. Điều 32 Hiến pháp 1959 quy định: "Người lao động được giúp đỡ về vật chất khi già yếu, bệnh tật hoặc mất sức lao động. Nhà nước mở rộng dần các tổ chức bảo hiểm xã hội, cứu tế và y tế để đảm bảo cho mọi người được hưởng quyền đó".

Từ năm 1995, cơ chế quản lý BHXH được đổi mới toàn diện bằng việc Chính phủ ban hành Điều lệ BHXH, đặc biệt Luật BHXH được Quốc hội thông qua, có hiệu lực từ ngày 01/01/2007, đến năm 2014 Quốc hội ban hành Luật BHXH số 58/2014/QH1, có hiệu lực từ ngày 01/01/2016. Khi chưa có Luật BHXH, khái

niệm về BHXH được tiếp cận dưới những góc độ khác nhau:

+ Dưới góc độ chính sách: BHXH là một chính sách xã hội, nhằm giải quyết các chế độ xã hội liên quan đến một tầng lớp đông đảo NLD và bảo vệ sự phát triển kinh tế - xã hội, sự ổn định chính trị quốc gia.

+ Dưới góc độ quản lý: BHXH là công cụ quản lý của Nhà nước để điều chỉnh mối quan hệ kinh tế giữa NLD, người SDLĐ và Nhà nước; thực hiện quá trình phân phối và phân phối lại thu nhập giữa các thành viên trong xã hội.

+ Dưới góc độ tài chính: BHXH là một quỹ tài chính tập trung, được hình thành từ sự đóng góp của các bên tham gia và có sự hỗ trợ của Nhà nước.

+ Dưới góc độ thu nhập: BHXH là sự bảo đảm thay thế một phần thu nhập khi người lao động có tham gia BHXH bị mất hoặc giảm thu nhập.

Khái niệm về BHXH được khái quát một cách đầy đủ nhất trong Luật BHXH số 58/2014/QH13 có hiệu lực từ 01/01/2016, đó là: Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của NLD khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội.

Bảo hiểm xã hội bắt buộc là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người lao động và người sử dụng lao động phải tham gia

1.1.2. Đặc điểm, vai trò, chức năng của bảo hiểm xã hội

1.1.2.1. Đặc điểm bảo hiểm xã hội

BHXH mang tính chất xã hội, phi lợi nhuận, không vì mục đích kinh doanh thu lợi nhuận mà vì mục đích phục vụ cộng đồng xã hội trên phạm vi toàn quốc, nhằm thực hiện chính sách an sinh xã hội của Đảng và nhà nước, đảm bảo cho người lao động có khoản trợ cấp thiết yếu khi gặp rủi ro, khó khăn trong cuộc sống.

BHXH bảo hiểm cho NLD trong và sau quá trình lao động. Nói cách khác, khi đã tham gia vào hệ thống BHXH, NLD được bảo hiểm đến lúc chết.

NLD muốn được hưởng trợ cấp BHXH thì phải có nghĩa vụ đóng BHXH, chủ SDLĐ có nghĩa vụ đóng BHXH cho NLD do mình ký kết hợp đồng lao động. Sự đóng góp của các bên tham gia BHXH là nguồn hình thành nên quỹ BHXH. Quỹ BHXH được dùng để chi trả các chế độ BHXH cho NLD.

BHXH chỉ bảo đảm cho các rủi ro bản thân, không bảo đảm cho các rủi ro tài sản và trách nhiệm dân sự.

Mức hưởng BHXH được tính trên cơ sở mức đóng, thời gian đóng và có chia sẻ giữa những người tham gia BHXH.

Sự tương hỗ trong BHXH được thực hiện trong một cộng đồng rộng rãi, toàn xã hội, nhằm chia sẻ rủi ro.

BHXH là một hoạt động thỏa thuận và không thỏa thuận. Điều này thể hiện ở chỗ BHXH có cả BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện.

1.1.2.2. Vai trò của bảo hiểm xã hội

Đối với người lao động: BHXH góp phần trợ giúp cho những NLD gặp phải rủi ro, bất hạnh, nhanh chóng khắc phục những khó khăn bằng cách tạo cho họ những thu nhập thay thế, những điều kiện sinh hoạt thuận lợi, giúp họ ổn định cuộc sống, yên tâm công tác, tạo cho họ tin tưởng vào tương lai, từ đó góp phần vào việc tăng năng suất lao động cũng như sự nỗ lực vì sự phát triển của doanh nghiệp, cơ quan họ công tác nói riêng và toàn xã hội nói chung.

Đối với xã hội: Thứ nhất, cần phải khẳng định rằng BHXH là loại hình dịch vụ công. Hoạt động BHXH cần cho toàn dân chứ không phải chỉ mình các cán bộ công chức, viên chức Nhà nước. Khi đối tượng tham gia BHXH ngày càng được mở rộng thì giá trị của dịch vụ này ngày càng được tăng lên và đây là một bộ phận trực tiếp làm gia tăng tổng sản phẩm xã hội. Vì vậy, BHXH phải được xem là ngành dịch vụ công quan trọng trong nền kinh tế. Thứ hai, với tư cách là một chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước, BHXH sẽ giải quyết được những rủi ro đối với NLD, góp phần tích cực vào việc phục hồi năng lực làm việc, khả năng sáng tạo của họ và góp tăng năng suất lao động của xã hội. Thông qua sự trợ giúp của BHXH, NLD nhận được các chế độ BHXH, họ sẽ có thu nhập thay thế. Như vậy BHXH đã gián tiếp tác động đến chính sách tiêu dùng quốc gia, kích thích tiêu dùng của xã hội, hỗ trợ và bổ sung các chính sách vĩ mô khác của Chính phủ. Thứ ba, với tư cách là một quỹ tiền tệ tập trung, BHXH có tác động mạnh mẽ tới chính sách tài chính quốc gia, có ảnh hưởng không nhỏ tới thị trường tài chính thông qua hoạt động đầu tư tài chính từ quỹ BHXH. Chính vì vậy hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH có tác động không nhỏ tới quá

trình phát triển của đất nước, là nguồn vốn quan trọng để tạo ra những cơ sở sản xuất kinh doanh mới, góp phần tạo ra công ăn việc làm cho người lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp, tạo thu nhập cho người lao động và tăng tổng sản phẩm quốc dân. Thứ tư, BHXH cũng là chính sách nhằm thực hiện công bằng xã hội, là công cụ để phân phối lại thu nhập giữa những người tham gia BHXH. Sự phân phối này được tiến hành qua hai cách. Cách thứ nhất là phân phối theo chiều ngang giữa người đang làm việc và người nghỉ hưu, người trẻ và người già, nam và nữ, người chưa hưởng trợ cấp và người đang hưởng trợ cấp. Cách thứ hai là phân phối theo chiều dọc giữa người có thu nhập cao và người có thu nhập thấp, giữa người giàu và người nghèo. Đây là một trong những mục tiêu quan trọng trong các chính sách kinh tế - xã hội ở tầm vĩ mô của quốc gia.

1.1.2.3. Chức năng của bảo hiểm xã hội

BHXH có một số chức năng chủ yếu như sau:

Phòng ngừa rủi ro: Với chức năng này BHXH cho phép tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội hoặc các đối tượng đã tham gia trong quá trình kinh tế - xã hội trước đây hoặc tất cả các công dân,... hình thành các quyền lợi đảm bảo để duy trì một chuẩn mực sống tương đối ổn định ngay cả khi trong trường hợp có sự cố bất ngờ rủi ro xảy ra.

An sinh xã hội: Với chức năng này rất cần thiết cho người lao động, người sử dụng lao động mà còn đảm bảo sự ổn định chính trị, an toàn xã hội cho quốc gia, đảm bảo chắc chắn đối với mọi thành viên trong xã hội gặp cảnh nghèo đói đều được cung cấp một khoản thu nhập bằng tiền cũng như các dịch vụ chăm sóc về y tế và dịch vụ xã hội đầy ý nghĩa.

Hai chức năng trên này hỗ trợ cho nhau. Đảm bảo ổn định kinh tế tài chính cho người lao động, khuyến khích họ yên tâm làm việc phát huy hết khả năng, năng lực chuyên môn giúp cho nền kinh tế phát triển, ổn định xã hội, đảm bảo an toàn cho quốc gia về kinh tế chính trị và an ninh quốc phòng.

BHXH đã đóng góp vai trò to lớn trong việc bảo đảm an sinh xã hội, ổn định và phát triển kinh tế, được thể hiện thông qua các tác động chủ yếu cụ thể sau:

Bù đắp một phần thu nhập cho NLĐ khi họ bị giảm thu nhập hoặc bị mất thu nhập do bị suy giảm sức khỏe, mất khả năng lao động hoặc bị mất việc làm. Đây là

sự đảm bảo chắc chắn sẽ xảy ra vì mọi người sẽ mất khả năng lao động khi họ hết tuổi lao động, theo các điều kiện quy định của BHXH. Đây là chức năng cơ bản của BHXH nó quyết định tính chất, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của hệ thống BHXH.

Thực hiện phân phối và phân phối lại thu nhập giữa những người tham gia đóng góp quỹ BHXH. Tham gia BHXH có người SDLĐ, NLD và nhà nước hỗ trợ đóng góp hình thành xây dựng lên quỹ BHXH. Quỹ BHXH này được sử dụng để chi trả trợ cấp BHXH cho những người tham gia BHXH không may gặp tai nạn, rủi ro. Thực tế chỉ ra rằng số tiền trợ cấp được hưởng thường nhỏ hơn rất nhiều so với số tiền mình tham gia, do áp dụng theo quy luật số đông bù ít, quỹ BHXH đã thực hiện phân phối lại thu nhập theo cả chiều ngang lẫn chiều dọc. Sự phân phối này thể hiện phân phối thu nhập giữa những người có thu nhập cao với những người có thu nhập thấp, giữa những người đang làm việc khoẻ mạnh với những người tuổi cao sức yếu, già cả, ốm đau đang nghỉ việc. Chức năng này của BHXH đã góp phần tạo nên sự công bằng trong xã hội mang tính nhân văn sâu sắc.

Góp phần thúc đẩy, kích thích tinh thần lao động, khuyến khích NLD hăng hái sản xuất nâng cao chất lượng, năng xuất lao động tạo ra nhiều của cải cho xã hội. Quỹ BHXH thực hiện chức năng này là do họ không may gặp phải các tai nạn rủi ro, phần thu nhập của họ bị giảm sút hoặc không còn nhưng sự suy giảm này đã được bù đắp một phần, hay toàn bộ từ quỹ BHXH. Vì vậy mà đời sống sinh hoạt hàng ngày của NLD và gia đình họ không còn bị xáo trộn. Hay nói một cách khác là họ luôn luôn được bảo đảm ổn định cuộc sống và có chỗ dựa về mặt vật chất, tinh thần. Chính vì vậy họ luôn yên tâm để sản xuất nâng cao chất lượng, năng xuất lao động và đạt hiệu quả kinh tế cao.

Gắn bó lợi ích giữa người SDLĐ và NLD, giữa người SDLĐ với xã hội. Thông qua BHXH những mâu thuẫn giữa những NLD và người SDLĐ như: mâu thuẫn về tiền lương, tiền thưởng, thời gian lao động,... sẽ được hoà giải và giải quyết kịp thời. Đặc biệt nhờ có BHXH mà cả hai bên đều thấy được quyền lợi của mình được quan tâm bảo vệ. Từ đó làm cho họ hiểu nhau hơn và gắn bó chặt chẽ lợi ích với nhau. Đối với Nhà nước và xã hội thì chi hỗ trợ cho BHXH là khoản chi rất nhỏ nhưng lại đem lại hiệu quả đạt được rất cao đảm bảo ổn định đời sống của NLD

và gia đình họ, góp phần ổn định sản xuất và phát triển kinh tế xã hội.

1.1.3. Nguyên tắc và đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội

1.1.3.1. Nguyên tắc của bảo hiểm xã hội

BHXH là loại hình bảo hiểm không vì mục tiêu lợi nhuận nên BHXH hoạt động dựa theo nguyên tắc cơ bản sau:

Mọi người lao động đều có quyền tham gia và hưởng trợ cấp BHXH: Thực hiện nguyên tắc này sẽ góp phần đảm bảo quyền bình đẳng giữa những NLD trên phương diện xã hội, nhất là trong điều kiện BHXH có sự bảo trợ của Nhà nước. Vì vậy mà ngày nay, BHXH đã trở thành quyền cơ bản của NLD, xét trên cả bình diện quốc gia và quốc tế. Ở Việt Nam, quyền tham gia và hưởng BHXH của NLD đã được ghi trong Hiến pháp và Bộ Luật lao động. Thực tế, một trong các tiêu chí để đánh giá hệ thống BHXH là diện bao phủ của nó so với lực lượng lao động trong phạm vi cả nước. Cho nên, các hệ thống bảo hiểm thường thiết kế để ngay cả những người ít có khả năng cũng có cơ hội được tham gia BHXH ở mức độ nhất định. Quyền tham gia và hưởng BHXH không thể bị phân biệt về khu vực, ngành nghề, thành phần kinh tế,... Tuy nhiên, NLD được tham gia và hưởng BHXH ở mức độ nào, trong những trường hợp nào,... hay nói cách khác là khả năng được chia sẻ, khắc phục rủi ro đến đâu còn phụ thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội và thể chế chính trị của mỗi quốc gia.

Mức hưởng trợ cấp BHXH phải tương quan với mức đóng góp: BHXH là một trong những hình thức phân phối lại thu nhập giữa những người tham gia bảo hiểm nên cần xác định mức hưởng một cách công bằng, hợp lý. Mức đóng có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định mức hưởng BHXH. Nếu NLD đã đóng tiền BHXH trên một mức thu nhập nào đó thì có nghĩa là họ đã mua BHXH cho mức thu nhập đó. Khi mức thu nhập này bị giảm hoặc mất thì BHXH phải đảm bảo cho người tham gia hưởng bằng mức đã nhận bảo hiểm. Tuy nhiên, do mục đích BHXH chi phối, trong điều kiện có sự bảo trợ của Nhà nước đối với quỹ BHXH thì mức đóng góp và thu nhập được bảo hiểm thường bị khống chế ở mức trần nhất định. Điều đó là để đảm bảo công bằng, NSNN sẽ không phải bảo trợ cho những mức bảo hiểm quá cao, sẽ ảnh hưởng đến hoạt động chi ngân sách nói chung. Ngoài ra, trong một số trường hợp, mức bảo hiểm còn phải

dựa trên thời gian đóng bảo hiểm. Yếu tố này đặc biệt quan trọng đối với các chế độ bảo hiểm dài hạn. Tuy vậy, căn cứ vào mức đóng bảo hiểm không có nghĩa là NLD đóng bảo hiểm bao nhiêu thì họ sẽ được hưởng bấy nhiêu. BHXH còn thực hiện mục đích chia sẻ rủi ro trong cộng đồng nên trong tương quan với tiền lương, các hệ thống BHXH thường thiết kế sao cho mức thu nhập được bảo hiểm không được cao hơn, thậm chí phải thấp hơn mức lương khi NLD đang làm việc. Như vậy, NLD không thể chia hết rủi ro của mình cho cộng đồng mà họ cũng phải gánh chịu một phần. Mặt khác, sự chênh lệch đáng kể về thu nhập sẽ khuyến khích NLD tích cực lao động sản xuất, không ỷ lại hay lạm dụng chế độ bảo hiểm để nghỉ việc.

Mức trợ cấp BHXH cho NLD phải được tính toán hợp lý trong tương quan với rất nhiều yếu tố, trong đó mức đóng, thời gian đóng BHXH và có chia sẻ là những yếu tố chủ yếu nhất. Việc xác định mức trợ cấp BHXH hợp lý là nguyên tắc quan trọng để đảm bảo tính hấp dẫn và tính bền vững của BHXH. Đây cũng là nguyên tắc thể hiện rõ nét yếu tố kinh tế và yếu tố xã hội của hình thức bảo hiểm này.

Nguyên tắc số đông bù số ít: Khi tham gia BHXH, NLD được bảo đảm một khoản thu nhập khi bị giảm hoặc mất khả năng lao động hoặc mất việc làm. Khoản thu nhập thay thế này nói chung cao hơn nhiều so với khoản phí BHXH mà họ đã đóng góp. Để làm được điều này, BHXH phải thực hiện trên cơ sở số đông bù số ít, có nghĩa là lấy số đông để bù cho số ít người không may gặp rủi ro. Mặt khác, đối với mỗi NLD, thời gian làm việc có thu nhập thường lớn hơn thời gian ngừng hoặc nghỉ việc không có thu nhập. Theo nguyên tắc này, càng nhiều người tham gia BHXH thì san sẻ rủi ro càng được thực hiện dễ dàng hơn.

Nhà nước thống nhất quản lý BHXH: BHXH là một chính sách lớn ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Nhà nước, với tư cách là đại diện chính thức về mặt quản lý xã hội, phải có trách nhiệm thực hiện chính sách xã hội, quản lý các hoạt động BHXH để đảm bảo ổn định và công bằng xã hội. Bên cạnh đó, BHXH còn là một yếu tố quan trọng để hình thành và phát triển thị trường lao động. Nếu BHXH được Nhà nước quản lý thống nhất, ổn định sẽ tạo điều kiện cho người lao động dịch chuyển lao động từ đơn vị này đến đơn vị khác, từ khu vực này đến khu vực khác,... theo yêu cầu của thị trường mà quyền lợi về BHXH của họ không bị ảnh hưởng. Khi

Nhà nước quản lý sẽ đảm bảo tính thống nhất và là yêu cầu khách quan, nhất là trong giai đoạn thực hiện BHXH theo yêu cầu của cơ chế thị trường.

Kết hợp hài hoà các lợi ích, các mục tiêu và phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của đất nước: Khác với bảo hiểm thương mại, BHXH ngoài mục đích là đảm bảo thu nhập cho NLD còn phải tính đến lợi ích chung và lợi ích của người SDLĐ, kết hợp với các mục tiêu đó là mục tiêu xã hội. Vì vậy, kết hợp hài hoà các lợi ích, các mục tiêu đó vừa là cơ sở thiết kế hệ thống, vừa là điều kiện để tổ chức thành công BHXH.

1.1.3.2. Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội

Mặc dù ra đời đã rất lâu nhưng đối tượng của BHXH còn có nhiều quan điểm chưa thống nhất dẫn đến sự nhầm lẫn giữa đối tượng của BHXH với đối tượng tham gia BHXH.

Như đã phân tích ở trên, Bảo hiểm xã hội là việc lập ra một nguồn ngân quỹ nhằm đảm bảo bù đắp cho khoản thu nhập bị giảm hoặc mất đi của NLD do họ bị mất hoặc giảm khả năng lao động, bị mất việc làm, do ốm đau bệnh tật, tai nạn, tuổi già,... vì vậy đối tượng của BHXH chính là phần thu nhập bị mất đi hay giảm đi do sự rủi ro mà người lao động gặp phải trong cuộc sống làm giảm hoặc mất khả năng lao động, mất việc làm.

Đối tượng của BHXH không chỉ là các khoản thu nhập theo lương mà bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài lương như: thưởng, phụ cấp,... cho NLD có nhu cầu đóng góp thêm để được hưởng mức trợ cấp BHXH.

Đối tượng tham gia của BHXH là NLD và người SDLĐ. Họ là những người trực tiếp tham gia đóng góp tạo nên quỹ BHXH với tỷ lệ phần trăm(%) thay đổi theo từng thời kỳ so với tiền lương của NLD theo quy định của Luật BHXH. Tuy theo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước mà đối tượng này có thể là tất cả hoặc một bộ phận những NLD nào đó trong xã hội.

Trong thời kì đầu khi triển khai BHXH ở hầu hết các nước chỉ áp dụng đối với những người làm công ăn lương để đảm bảo mức đóng góp ổn định, đảm bảo an toàn quỹ BHXH.

Hiện nay khi nền kinh tế phát triển, nhu cầu sử dụng NLD trong và ngoài doanh

nghiệp nhà nước tăng lên rất nhiều thì đối tượng tham gia BHXH và đối tượng của BHXH cũng được mở rộng ra. Vì vậy đối tượng tham gia của BHXH bao gồm:

Đối tượng bắt buộc tham gia BHXH: là NLD và người SDLĐ phải tham gia BHXH một cách bắt buộc với mức đóng và mức hưởng BHXH theo quy định của Luật BHXH.

Đối tượng tự nguyện tham gia BHXH: áp dụng cả với người làm công ăn lương và NLD không làm công ăn lương. Thường là do sự đóng góp của NLD cùng với sự hỗ trợ của ngân sách Nhà nước.

1.2. Những vấn đề cơ bản về thu bảo hiểm xã hội

1.2.1. Khái niệm về thu bảo hiểm xã hội

“ Thu BHXH là việc nhà nước dùng nước dùng quyền lực của mình bắt buộc các đối tượng phải đóng BHXH theo mức phí qui định hoặc cho phép một số đối tượng tự nguyện tham gia, lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình. Trên cơ sở đó hình thành một quỹ tiền tệ tập trung nhằm mục đích đảm bảo cho các hoạt động BHXH”

Thu BHXH thực chất là quá trình phân phối lại một phần thu nhập của các đối tượng tham gia BHXH, phân phối và phân phối lại một phần của cải của xã hội dưới dạng giá trị, nhằm giải quyết hài hòa các mối quan hệ về mặt lợi ích kinh tế, góp phần đảm bảo công bằng xã hội.

Theo khái niệm thì thu BHXH bắt buộc là việc Nhà nước bắt buộc các đối tượng phải đóng BHXH theo mức phí nhất định được quy định bởi Luật BHXH.

1.2.2. Nguyên tắc thu bảo hiểm xã hội

Thu dựa trên các văn bản pháp luật

Như chúng ta biết, thu BHXH có tầm quan trọng đặc biệt, không những có vai trò to lớn trong việc cân đối quỹ, thu còn đóng vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của toàn ngành BHXH.

Hoạt động thu BHXH có phạm vi hoạt động và quy mô rộng lớn, liên quan nhiều mặt đến các hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước, ảnh hưởng đến lợi ích của số đông NLD trong cộng đồng xã hội. Nếu thu BHXH đạt hiệu quả cao sẽ có nhiều đối tượng được tham gia vào hệ thống BHXH, số thu huy động vào quỹ BHXH ngày càng

cao, từ đó quỹ BHXH được phát triển và đảm bảo an toàn. Ngược lại, khi thu BHXH đạt hiệu quả thấp, số huy động vào quỹ BHXH thấp, đây là nguyên nhân trực tiếp gây mất cân đối quỹ BHXH, quỹ BHXH dựa trên nguyên tắc cơ bản là có thu thì mới có chi vì vậy khi số thu nhỏ hơn số chi sẽ ảnh hưởng tới sự phát triển và tồn tại của toàn ngành BHXH.

Do vậy để hoạt động thu BHXH đạt hiệu quả cao thì nguyên tắc đầu tiên của thu BHXH là phải đảm bảo thực hiện đúng theo các văn bản pháp luật quy định từ đối tượng thu, số tiền thu, phương thức thu, lập kế hoạch thu lẫn công tác tổ chức và kiểm tra giám sát thu BHXH,... Trong quá trình thực hiện thu theo các văn bản pháp luật quy định sẽ còn nhiều vấn đề phát sinh trong văn bản luật, nhiều văn bản còn chưa thực sự chặt chẽ, tạo nhiều lỗ hổng để đối tượng tham gia BHXH lợi dụng nhằm trốn đóng hoặc đóng không đúng quy định, đòi hỏi các cán bộ làm công tác thu vừa phải nghiêm túc thực hiện theo chỉ đạo của văn bản luật quy định vừa phải có sự đóng góp với cấp trên nhằm hoàn thiện hơn nữa các văn bản quy định về thu BHXH. Hiện nay, thu BHXH ngoài việc thực hiện theo Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014 có hiệu lực từ ngày 01/01/2016, còn có các nghị định, thông tư như:

Nghị định 115/2015/ NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc;

Nghị định số 21/2016/NĐ-CP ngày 31/3/2016 của Chính phủ Quy định việc thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế của cơ quan bảo hiểm xã hội;

Nghị định số 44/2017/ NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ Quy định mức đóng hàng tháng và phương thức đóng BHXH bắt buộc vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Quyết định 595/QĐ-BHXH, ngày 14/4/2017; Quyết định số 888/QĐ-BHXH ngày 16 tháng 7 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quản

lý số bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế ban hành kèm theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc BHXH Việt nam.

Thu đúng đối tượng, thu đủ số lượng và đảm bảo đúng thời gian quy định.

Muốn thực hiện được nguyên tắc này cần phải:

- Nắm chắc được các nguồn thu BHXH

Nguồn thu của quỹ BHXH quy định tại Luật BHXH bao gồm:

+ Nguồn đóng BHXH của NLĐ tham gia BHXH

+ Nguồn đóng BHXH của chủ SDLĐ

+ Nguồn tiền sinh lời từ hoạt động đầu tư tăng trưởng quỹ BHXH

+ Nguồn hỗ trợ của nhà nước

+ Các nguồn khác: viện trợ, biếu tặng

Để nắm chắc được các nguồn thu trên phải tăng cường công tác quản lý chặt chẽ các nguồn thu, đối với các nguồn thu khác nhau phải có phương pháp quản lý thích hợp.

Các cơ quan, các doanh nghiệp đóng BHXH thì phần đóng góp phải dựa trên quỹ lương, quỹ lương này bao gồm toàn bộ là lương cứng và các khoản phụ cấp vào lương, đồng thời quỹ lương này phải chi trả cho tất cả các đối tượng tham gia đóng BHXH.

Thu BHXH phải mang tính trực tiếp, hạn chế tối đa hiện tượng khoán thu để được hưởng hoa hồng.

Về nguyên tắc cơ quan BHXH phải quyết toán từng tháng, phải đảm bảo tất cả các số thu phải ăn khớp với nhau và phải thực sự cân đối: giữa NLĐ, người SDLĐ, loại hình doanh nghiệp, loại hình thu.

Lãi đầu tư quỹ nhân rồi BHXH, về nguyên tắc phải được bù đắp vào quỹ để bảo toàn và tăng trưởng nguồn quỹ, phần trích ra chi cho các mục đích khác như chi cho khen thưởng, chi quản lý và những khoản chi khác phải tuân thủ theo đúng những quy định của Pháp luật. Các khoản tài trợ của các tổ chức, các quỹ từ thiện, đặt biệt là các khoản nợ của người tham gia phải được hạch toán riêng, các khoản nợ khó đòi được phải tính tới lãi suất.

Thu đúng đối tượng, đủ số lượng và đúng thời gian quy định phụ thuộc vào công

tác quản lý thu BHXH, thực tế có rất nhiều đơn vị nộp ko đủ số lượng theo quy định hàng tháng, tình trạng trốn đóng và nợ đọng BHXH còn xảy ra nhiều, để quản lý tốt cần có biện pháp quản lý thu BHXH khoa học kết hợp với các biện pháp hành chính cứng rắn.

- Bảo đảm quyền lợi người tham gia BHXH

Bảo vệ quyền lợi của NLĐ trong các đơn vị được tham gia BHXH, đây là quyền lợi chính đáng và hợp pháp của NLĐ đã được quy định trong văn bản Luật BHXH, nhưng trong thực tế do doanh nghiệp phải trích đóng cho cơ quan BHXH là 17,5% tổng tiền lương hàng tháng theo HĐLĐ còn NLĐ chỉ phải đóng 8% tổng tiền lương hàng tháng theo hợp đồng nên nhiều doanh nghiệp đã chủ động không đóng BHXH cho NLĐ hoặc đóng không đủ, không đúng số lượng quy định điều này ảnh hưởng đến quyền lợi của NLĐ, khi tiền lương đóng thấp hoặc không đóng thì mức trợ cấp cho NLĐ khi phát sinh: ốm đau, tai nạn lao động, thai sản, tử tuất,... sẽ không được hưởng hoặc hưởng ít hơn so với quyền lợi của họ.

1.3. Quản lý thu bảo hiểm xã hội

1.3.1. Khái niệm về quản lý thu bảo hiểm xã hội

Quản lý bao giờ cũng là tác động có hướng đích, có xác định mục tiêu, thể hiện mối quan hệ giữa chủ thể quản lý và đối tượng quản lý, đây là quan hệ giữa người lãnh đạo và bị lãnh đạo, không đồng cấp và có tính bắt buộc. Nó diễn ra trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người với nhiều cấp độ, nhiều mối liên hệ với nhau. Đối với hoạt động BHXH thì quản lý bao gồm cả quản lý các đối tượng tham gia và thụ hưởng, quản lý thu, quản lý chi trả và quản lý nguồn quỹ từ đầu tư tăng trưởng.[25,tr.11].

Khi nói đến quản lý thu BHXH là nói đến một loạt quan hệ, bao gồm quan hệ giữa Nhà nước, người SDLĐ, NLĐ và cơ quan BHXH. Trong mỗi quan hệ trên đây, thì người SDLĐ, NLĐ là đối tượng quản lý; Nhà nước giao cho cơ quan BHXH làm chủ thể quản lý; Nhà nước là chủ thể duy nhất điều tiết và quản lý BHXH, vì các bên tham gia có lợi ích khác nhau thậm chí trái ngược nhau. Đó là NLĐ muốn đóng ít nhưng lại muốn được hưởng thụ quyền lợi nhiều, người SDLĐ muốn đóng BHXH càng ít càng tốt để giảm chi phí sản xuất nâng cao lợi nhuận. Nhà nước với hai tư cách: thứ nhất là, thông qua cơ quan lập pháp (Quốc Hội) đề ra

Luật BHXH, thông quan Chính phủ đề ra các quy định về BHXH; thứ hai là, thông qua các cơ quan nhà nước để thực hiện nộp BHXH cho NLĐ hưởng lương từ NSNN và thành lập cơ quan chuyên trách (BHXH Việt Nam) thực hiện chính sách BHXH. Để quản lý thu BHXH đảm bảo theo đúng các quy định của Nhà nước, cơ quan BHXH phải xây dựng biện pháp, kế hoạch, tổ chức các thao tác nghiệp vụ, phối hợp với các cơ quan hữu trách và hình thành hệ thống chuyên thu từ Trung ương đến cấp huyện, thực hiện theo một quy trình chặt chẽ, khép kín. Như vậy, trong quản lý thu BHXH, mỗi quan hệ ba bên là NLĐ, người SDLĐ và cơ quan BHXH được xác lập quyền và trách nhiệm của mỗi bên do pháp luật về BHXH quy định, các quy định này là những căn cứ pháp lý mà mỗi bên phải tuân thủ, thực hiện nghiêm túc. Mặt khác, để thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, không để thất thoát tiền thu, đòi hỏi cơ quan BHXH phải có phương pháp và biện pháp hữu hiệu, kể cả các biện pháp hỗ trợ. “Thu BHXH là một khái niệm phức hợp, bao gồm các định hướng, chủ trương, phương pháp, biện pháp hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, chỉ đạo, khuyến khích đẩy mạnh công tác thu bảo hiểm xã hội” [28, tr.5] và “Quản lý thu BHXH là một quá trình chủ thể quản lý tác động đến đối tượng quản lý, trong hoạt động dự báo, xây dựng chỉ tiêu kế hoạch, tổ chức thực hiện, điều chỉnh và kiểm tra để đạt được mục tiêu quản lý bằng các nguyên tắc và phương pháp nhất định” [29, tr.19]

Từ phân tích trên về quản lý thu BHXH, tác giả hiểu như sau: *Quản lý thu BHXH là sự tác động của Nhà nước thông qua các quy định mang tính pháp lý bắt buộc các bên tham gia BHXH phải tuân thủ thực hiện; trong đó cơ quan BHXH sử dụng các biện pháp nghiệp vụ và các phương pháp đặc thù tác động trực tiếp vào đối tượng đóng BHXH để đạt được mục tiêu đề ra.*

1.3.2. Nguyên tắc, vai trò, mục đích quản lý thu bảo hiểm xã hội

1.3.2.1. Nguyên tắc quản lý thu

Một là thu đúng, thu đủ, thu kịp thời

Thu đúng, là đúng đối tượng, đúng mức, đúng tiền lương, tiền công và đúng thời gian quy định: mọi NLĐ khi có HĐLĐ hoặc giao kết lao động theo quy định, được trả công bằng tiền đều là đối tượng đóng BHXH bắt buộc. Việc xác định đúng

đối tượng, đúng tiền lương, tiền công, căn cứ đóng BHXH của NLĐ là cơ sở quan trọng để đảm bảo thu đúng; việc thu đúng phụ thuộc vào tính chất hoạt động của đơn vị SDLĐ để xác định đúng đối tượng, mức thu, phương thức thu.

Thu đủ, là thu đủ số người thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc và số tiền phải đóng BHXH của NLĐ, người SDLĐ.

Thu kịp thời, là thu kịp về thời gian khi có phát sinh quan hệ lao động, tiền công, tiền lương mà những quan hệ đó thuộc đối tượng, phạm vi tham gia BHXH. Chế độ BHXH thường xuyên thay đổi để phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ, ở mỗi thời điểm thay đổi đó cần phải tổ chức thực hiện thu BHXH của người SDLĐ và NLĐ đảm bảo kịp thời, không để tồn đọng tiền thu, không bỏ sót lao động tham gia BHXH.

Hai là, tập trung, thống nhất, công bằng, công khai

Cơ chế thu BHXH được quy định thống nhất, nguồn thu BHXH tập trung quản lý, điều tiết ở Trung ương là BHXH Việt Nam. Việc tham gia BHXH của NLĐ, người SDLĐ đảm bảo công khai, thực hiện công bằng ở các thành phần kinh tế. Các đơn vị tham gia BHXH đều phải công khai minh bạch số lao động phải đóng BHXH và số tiền đóng theo đúng quy định, có sự kiểm tra, thanh tra, kiểm soát của Nhà nước và giám sát của các cơ quan chức năng và các tổ chức chính trị - xã hội. Tính công bằng được thể hiện trong việc thu nộp BHXH, không phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, tức là đều có tỷ lệ phần trăm thu BHXH như nhau.

Ba là an toàn, hiệu quả

Thực hiện quản lý chặt chẽ tiền thu BHXH theo chế độ quản lý tài chính của Nhà nước và sử dụng nguồn thu đúng mục đích. Nguồn thu BHXH do được tồn tích cộng đồng, nên thường có khối lượng tiền nhàn rỗi tương đối lớn chưa sử dụng cần được đầu tư tăng trưởng, vừa nâng cao hiệu quả sử dụng, vừa an toàn tiền thu BHXH về mặt giá trị do yếu tố trượt giá. Vì vậy, thông qua cơ chế quản lý nghiêm ngặt về thu BHXH để tránh lạm dụng; thất thoát; đồng thời nghiên cứu các lĩnh vực đầu tư để đảm bảo thu hồi được vốn và có lãi; tức là hiệu quả sử dụng nguồn thu.

1.3.2.2. Vai trò quản lý thu bảo hiểm xã hội

BHXH có nội hàm rất rộng và phức tạp, bao gồm thu, chi, thực hiện các chế

độ, chính sách dài hạn, ngắn hạn; đối tượng và phạm vi áp dụng rộng và liên quan đến đời sống của NLD làm công ăn lương; thực hiện tốt các chế độ BHXH là đảm bảo đời sống kinh tế cho NLD có tham gia BHXH được coi như là “đầu ra” của BHXH và thu BHXH là yếu tố “đầu vào” của BHXH, trong đó quản lý thu BHXH là khâu đầu tiên trong việc xác lập mối quan hệ về BHXH giữa NLD, người SDLĐ và cơ quan BHXH. Mối quan hệ ấy xác định quyền và trách nhiệm của các bên; đây là mối quan hệ quan trọng hàng đầu, vì có thực hiện mối quan hệ này thì mới có cơ sở để tổ chức thu BHXH, hình thành quỹ BHXH, thực hiện chi trả các chế độ BHXH.

Mặt khác, BHXH thực hiện trên nguyên tắc tương trợ cộng đồng, lấy số đông bù số ít nên khi tham gia BHXH NLD sẽ được san sẻ rủi ro khi ốm đau, thai sản, tai nạn lao động. NLD khi nghỉ hưu để duy trì cuộc sống, sẽ đỡ gánh nặng cho gia đình, góp phần cho từng tế bào của xã hội ổn định, bền vững. Khi người dân có cuộc sống đảm bảo, sẽ hạn chế được phân biệt đối xử, giảm bớt được khoản cách giàu nghèo. Thông qua hoạt động BHXH, Nhà nước là trung gian đứng ra điều chỉnh thu nhập, đảm bảo hài hòa lợi ích và công bằng xã hội cho NLD trong mọi thành phần kinh tế. Hay nói cách khác, NLD sẽ được công bằng hơn về quyền lợi, khi Nhà nước thực hiện phân phối và phân phối lại thu nhập thông qua chính sách BHXH, nhất là trong thời điểm hiện nay thu nhập của NLD, nhất là khu vực lao động trực tiếp còn thấp hơn các khu vực khác.

1.3.2.3. Mục đích quản lý thu bảo hiểm xã hội

Thứ nhất, đảm bảo cho yếu tố “đầu vào” đủ khả năng thực hiện quá trình tái sản xuất xã hội, tức là có thu đúng, thu đủ, thu kịp thời mới đảm bảo chi trả chế độ cho NLD, góp phần ổn định cuộc sống của NLD trong quá trình lao động không may bị rủi ro, nghỉ hưu, cũng như khi về già.

Thứ hai, xác lập rõ ràng quyền và trách nhiệm của các bên tham gia BHXH, đó là: NLD, người SDLĐ và cơ quan BHXH; phân định rõ chức năng quản lý nhà nước với chức năng hoạt động sự nghiệp của BHXH.

Thứ ba, không bỏ sót nguồn thu, quản lý chặt chẽ, đảm bảo nguồn thu BHXH được sử dụng đúng mục đích; đồng thời làm cho nguồn thu BHXH liên tục tăng trưởng.

Thứ tư, đảm bảo các quy định về thu BHXH được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, khắc phục được tính bình quân nhưng vẫn bảo đảm tính xã hội thông qua việc điều tiết, chia sẻ rủi ro. Trong điều kiện hội nhập kinh tế hiện nay, quản lý thu BHXH lại càng có ý nghĩa sâu sắc trong việc phòng ngừa, ngăn chặn những lạm dụng của người SDLĐ đối với NLĐ nhất là việc thuê mướn, sử dụng, trả tiền lương, tiền công bất bình đẳng.

1.3.3. Nội dung quản lý thu bảo hiểm xã hội

1.3.3.1. Quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội

Một trong những nội dung của công tác quản lý thu BHXH là quản lý đối tượng tham gia, mà cụ thể là NLĐ và người SDLĐ. Đầu tiên về đối tượng tham gia BHXH, việc làm rất cần thiết là phải quản lý được các đơn vị SDLĐ thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc theo các địa bàn hành chính quản lý, kể cả những người buôn bán nhỏ, hộ sản xuất kinh doanh trong các làng nghề truyền thống có thuê mướn lao động và SDLĐ thuộc đối tượng bắt buộc tham gia BHXH. Sau khi xác định đầy đủ các đối tượng thuộc diện tham gia BHXH theo luật định, tổ chức BHXH sẽ tiến hành hướng dẫn các chủ SDLĐ đăng ký tham gia BHXH cho NLĐ thuộc phạm vi đơn vị, đồng thời tiến hành quản lý và kiểm tra việc thực hiện đúng quy định của Nhà nước về hoạt động BHXH của các đơn vị SDLĐ này.

Qua công tác quản lý thu, tổ chức BHXH sẽ nắm bắt được số lượng các đơn vị SDLĐ và số lao động thuộc diện tham gia BHXH trên địa bàn huyện, tỉnh,... Đây là việc làm rất cần thiết để tiến hành các nghiệp vụ tiếp theo của công tác thu BHXH.

Việc xác định các thành viên tham gia hệ thống BHXH là một trong những nhiệm vụ lớn và quan trọng nhất của công tác quản lý thu BHXH. Căn cứ vào loại hình BHXH, đối tượng tham gia có thể được phân thành hai loại bắt buộc và tự nguyện. Đối tượng tham gia BHXH bắt buộc thực hiện theo quy định tại Điều 2, Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014; Điều 2, Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015; Điều 4, Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

Nhiệm vụ của người làm công tác quản lý thu BHXH là phải xác định rõ đối tượng thuộc phạm vi mình quản lý phải tham gia BHXH, từ đó có những biện pháp

thực hiện công tác thu BHXH tốt hơn. Để quản lý dễ dàng, cơ quan BHXH thường xuyên phối hợp với các cơ quan cấp phép cho DN hoạt động để nắm rõ số lượng đơn vị SDLĐ trên địa bàn.

Khi tiến hành quản lý việc đăng kí tham gia vào hệ thống BHXH của chủ SDLĐ, cơ quan BHXH sẽ đưa ra các tiêu thức, yêu cầu bắt buộc chủ SDLĐ có trách nhiệm cung cấp thông tin như: tên đơn vị, loại hình hoạt động KD, số lao động hiện có,... đối với NLĐ cần phải cung cấp thông tin về tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, ... Việc cung cấp những thông tin này sẽ tránh được sự trùng lặp giữa các đối tượng và sẽ được cơ quan BHXH mã hoá bằng mã số BHXH để cho công tác quản lý trở nên dễ dàng, thuận tiện hơn, tiết kiệm thời gian.

1.3.3.2. Quản lý mức đóng bảo hiểm xã hội

** Mức tiền lương, tiền công đóng*

Xuất phát từ mục đích của BHXH là nhằm bù đắp hoặc thay thế một phần thu nhập cho NLĐ khi họ không may gặp rủi ro cho nên khi thiết kế khoản đóng góp vào quỹ BHXH hầu hết các quốc gia trên thế giới đều căn cứ vào thu nhập, tiền lương, tiền công của NLĐ, thực hiện khấu trừ tiền lương của NLĐ và các khoản đóng góp của chủ SDLĐ chuyển khoản về đơn vị quản lý thực hiện BHXH.

Thông thường mức đóng góp BHXH thường căn cứ vào tiền lương của NLĐ (lương chính, các khoản phụ cấp(nếu có)...) và tổng quỹ lương của toàn doanh nghiệp. Ở nước ta tiền lương, tiền công tháng đóng BHXH bắt buộc được quy định cụ thể trong Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 như sau:

- Tiền lương do Nhà nước quy định

+ Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định thì tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc là tiền lương theo ngạch, bậc, cấp bậc quân hàm và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có). Tiền lương này tính trên mức lương cơ sở.

Tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc quy định tại điểm này bao gồm cả hệ số chênh lệch bảo lưu theo quy định của pháp luật về tiền lương.

+ Người lao động quy định tại Điểm 1.6 Khoản 1 Điều 4 thì tiền lương tháng đóng BHXH là mức lương cơ sở.

- Tiền lương do đơn vị quyết định

Thực hiện theo quy định tại các điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5 và 2.6 khoản 2 Điều 6 của Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017.

- Mức tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc quy định tại Điều này cao hơn 20 tháng lương cơ sở thì mức tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc bằng 20 tháng lương cơ sở.

** Mức đóng và trách nhiệm đóng*

Theo quy định tại Điều 5, Quyết định số 595/QĐ-BHXH, mức đóng và trách nhiệm đóng như sau:

- Mức đóng và trách nhiệm đóng của NLĐ

+ NLĐ quy định tại Điểm 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, và Tiết b Điểm 1.7 Khoản 1 Điều 4, Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017, hằng tháng đóng bằng 8% mức tiền lương tháng vào quỹ hưu trí và tử tuất.

+ NLĐ quy định tại Điểm 1.6 Khoản 1 Điều 4, Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017, hằng tháng đóng bằng 8% mức lương cơ sở vào quỹ hưu trí và tử tuất.

+ NLĐ quy định tại Tiết a, c và Tiết d Điểm 1.7 Khoản 1 Điều 4, Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017: mức đóng hằng tháng vào quỹ hưu trí và tử tuất bằng 22% mức tiền lương tháng đóng BHXH của NLĐ trước khi đi làm việc ở nước ngoài, đối với NLĐ đã có quá trình tham gia BHXH bắt buộc; bằng 22% của 02 lần mức lương cơ sở đối với NLĐ chưa tham gia BHXH bắt buộc hoặc đã tham gia BHXH bắt buộc nhưng đã hưởng BHXH một lần.

+ NLĐ quy định tại Điểm 1.8 Khoản 1 Điều 4, Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017: Mức đóng hằng tháng vào quỹ hưu trí và tử tuất bằng 22% mức tiền lương tháng đóng BHXH của NLĐ trước đó đối với NLĐ đã có quá trình tham gia BHXH bắt buộc; bằng 22% của 02 lần mức lương cơ sở đối với NLĐ chưa tham gia BHXH bắt buộc hoặc đã tham gia BHXH bắt buộc nhưng đã hưởng BHXH một lần.

+ NLĐ quy định tại Khoản 1 Điều 4, Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 và người đang bảo lưu thời gian đóng BHXH bắt buộc còn thiếu tối đa

06 tháng để đủ điều kiện hưởng lương hưu hoặc trợ cấp tuất hằng tháng: mức đóng bằng 22% mức tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc của người lao động trước khi nghỉ việc hoặc chết vào quỹ hưu trí và tử tuất.

- Mức đóng và trách nhiệm đóng của đơn vị

+ Đơn vị hằng tháng căn cứ vào quỹ tiền lương đóng BHXH của NLĐ quy định tại các Điểm 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 và Tiết b Điểm 1.7 Khoản 1 Điều 4, Quyết định số 595/QĐ-BHXH đóng bằng 3% vào quỹ ốm đau và thai sản và 14% vào quỹ hưu trí và tử tuất.

+ Đơn vị hằng tháng đóng 14% mức lương cơ sở vào quỹ hưu trí và tử tuất cho người lao động quy định tại điểm 1.6 Khoản 1 Điều 4, Quyết định số 595/QĐ-BHXH

** Phương thức đóng*

Theo quy định tại Điều 7, Quyết định số 595/QĐ-BHXH quy định về phương thức đóng BHXH như sau:

- Đóng hằng tháng

Hằng tháng, chậm nhất đến ngày cuối cùng của tháng, đơn vị trích tiền đóng BHXH bắt buộc trên quỹ tiền lương tháng của những người lao động tham gia BHXH bắt buộc, đồng thời trích từ tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc của từng người lao động theo mức quy định, chuyển cùng một lúc vào tài khoản chuyên thu của cơ quan BHXH mở tại ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước.

- Đóng 03 tháng hoặc 06 tháng một lần

Đơn vị là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp trả lương theo sản phẩm, theo khoán thì đóng theo phương thức hằng tháng hoặc 03 tháng, 06 tháng một lần. Chậm nhất đến ngày cuối cùng của phương thức đóng, đơn vị phải chuyển đủ tiền vào quỹ BHXH.

- Đóng theo địa bàn

+ Đơn vị đóng trụ sở chính ở địa bàn tỉnh nào thì đăng ký tham gia đóng BHXH tại địa bàn tỉnh đó theo phân cấp của BHXH tỉnh.

+ Chi nhánh của doanh nghiệp hoạt động tại địa bàn nào thì đóng BHXH tại

địa bàn đó.

- Đối với NLD quy định tại Tiết a, c và d Điểm 1.7 Khoản 1 Điều 4, Quyết định số 595/QĐ-BHXH phương thức đóng là 03 tháng, 06 tháng, 12 tháng một lần hoặc đóng trước một lần theo thời hạn ghi trong hợp đồng đưa NLD đi làm việc ở nước ngoài. NLD đóng trực tiếp cho cơ quan BHXH trước khi đi làm việc ở nước ngoài hoặc đóng qua đơn vị, tổ chức sự nghiệp đưa NLD đi làm việc ở nước ngoài.

+ Trường hợp đóng qua đơn vị, tổ chức sự nghiệp đưa NLD đi làm việc ở nước ngoài thì đơn vị, tổ chức sự nghiệp thu, nộp BHXH cho NLD và đăng ký phương thức đóng cho cơ quan BHXH.

+ Trường hợp NLD được gia hạn hợp đồng hoặc ký HĐLĐ mới ngay tại nước tiếp nhận lao động thì thực hiện đóng BHXH theo phương thức quy định tại Điều này hoặc truy nộp cho cơ quan BHXH sau khi về nước.

- Đối với NLD quy định tại Điểm 1.8 Khoản 1 Điều 4, Quyết định số 595/QĐ-BHXH thực hiện đóng hằng tháng, 03 tháng hoặc 06 tháng một lần thông qua đơn vị quản lý cán bộ, công chức có phu nhân hoặc phu quân để đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất.

- Đối với trường hợp đóng cho thời gian còn thiếu không quá 06 tháng quy định tại Điểm 1.6 Khoản 1 Điều 5, Quyết định số 595/QĐ-BHXH

+ NLD đóng một lần cho số tháng còn thiếu thông qua đơn vị trước khi nghỉ việc.

+ Người đang bảo lưu thời gian đóng BHXH bắt buộc hoặc thân nhân của NLD chết đóng một lần cho số tháng còn thiếu tại cơ quan BHXH huyện nơi cư trú.

1.3.3.3. Tổ chức thực hiện thu bảo hiểm xã hội

Để thực hiện việc tổ chức thu BHXH, BHXH các cấp cần phải thực hiện một số công việc sau:

** Phân cấp thu một cách hợp lý*

Phân cấp thu BHXH hợp lý là một điều kiện quan trọng trong việc tạo nên hiệu quả của công tác thu cũng như công tác quản lý thu. Nó giúp cho bộ máy hoạt động của tổ chức BHXH được thống nhất, không bị chồng chéo. Cụ thể công tác thu BHXH sẽ được phân cấp quản lý như sau:

- BHXH cấp huyện

+ Thu tiền đóng BHXH của đơn vị đóng trụ sở trên địa bàn huyện theo phân cấp của BHXH tỉnh.

+ Giải quyết các trường hợp truy thu, hoàn trả tiền đóng BHXH; tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất đối với đơn vị, người tham gia BHXH do BHXH huyện trực tiếp thu.

- BHXH cấp tỉnh

- Thu tiền đóng BHXH của các đơn vị chưa phân cấp cho BHXH huyện.

- Giải quyết các trường hợp truy thu, hoàn trả tiền đóng BHXH; tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất đối với đơn vị, người tham gia BHXH do BHXH tỉnh trực tiếp thu.

- BHXH cấp Trung ương

+ Thu tiền của ngân sách trung ương đóng BHXH cho người có thời gian công tác trước năm 1995.

Căn cứ vào sự phân cấp trên BHXH các cấp sẽ tiến hành xác định những đối tượng nào hiện đang hoạt động trên địa bàn thuộc phạm vi mình quản lý. Từ đó xác định số lao động ở từng đơn vị SDLĐ để có kế hoạch tổ chức thu cụ thể.

** Lập và xét duyệt kế hoạch thu BHXH hàng năm*

Đối với cơ quan BHXH huyện, hàng năm BHXH cấp huyện căn cứ tình hình thực hiện năm trước và khả năng mở rộng NLĐ tham gia BHXH trên địa bàn, lập hai bản “Kế hoạch thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN” năm sau (theo Mẫu số K01-TS), gửi BHXH tỉnh một bản trước ngày 15/7 hàng năm.

Đối với BHXH tỉnh, hàng năm lập hai bản “Kế hoạch thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN” năm sau (theo Mẫu số K01-TS) đối với đơn vị SDLĐ do tỉnh quản lý, đồng thời tổng hợp toàn tỉnh, lập hai bản bản “Kế hoạch thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN” năm sau (theo Mẫu số K01-TS), gửi BHXH Việt Nam một bản trước ngày 20/7 hàng năm. Đồng thời, bên cạnh đó, căn cứ vào dự toán thu BHXH Việt Nam giao, tiến hành phân bổ dự toán thu cho các đơn vị trực thuộc tỉnh, huyện trước ngày 20/1 hàng năm.

** Quản lý tiền thu*

Theo quy định, BHXH cấp tỉnh, huyện không được sử dụng tiền thu BHXH vào bất cứ mục đích gì.

BHXH Việt Nam sẽ thẩm định quyết toán thu BHXH theo 06 tháng hoặc hàng năm một lần đối với BHXH tỉnh, BHXH tỉnh thẩm định quyết toán đối với BHXH cấp huyện 06 tháng một lần.

Mỗi cấp quản lý có những chức năng và nhiệm vụ khác nhau. Do đó việc quản lý và sử dụng tiền thu BHXH cũng có những điểm khác nhau. Hoạt động BHXH là hoạt động không vì mục đích sinh lợi, quỹ BHXH là quỹ tiền tệ tập trung, thống nhất.

Kế thúc tháng, cán bộ quản lý thu của cơ quan BHXH đối chiếu, xác nhận và gửi Thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN(Mẫu C12-TS) gửi các đơn vị SDLĐ.

** Thông tin báo cáo*

Công tác thông tin báo cáo trong quản lý thu là rất cần thiết, đảm bảo mọi thông tin đều được cập nhật thường xuyên, liên tục. Trong công tác thông tin báo cáo, các đơn vị thường sử dụng hệ thống biểu mẫu đã được BHXH Việt Nam quy định sẵn. Vì vậy để thực hiện thông tin báo cáo theo đúng quy định, cán bộ làm công tác chuyên môn phải nắm chắc từng biểu mẫu cũng như trường hợp sử dụng những giấy tờ đó. Bên cạnh đó, cán bộ quản lý thu cũng phải kiểm tra xem những thông tin mà đối tượng tham gia khai báo đã chính xác hay chưa để có điều chỉnh cho phù hợp.

** Quản lý hồ sơ, tài liệu*

Bởi vì các thông tin, dữ liệu của đối tượng tham gia thay đổi thường xuyên và số lượng giấy tờ, văn bản liên quan khá lớn nên BHXH tỉnh, huyện luôn phải cập nhật thông tin, dữ liệu của người tham gia BHXH để phục vụ kịp thời cho công tác nội vụ và quản lý. Đồng thời, BHXH tỉnh, huyện cần xây dựng hệ thống mã số đơn vị tham gia BHXH áp dụng trên địa bàn quản lý theo hướng dẫn của BHXH Việt Nam. Mã số tham gia BHXH cấp cho đơn vị để đăng ký tham gia BHXH được sử dụng thống nhất trên hồ sơ, giấy tờ, sổ sách và báo cáo nghiệp vụ.

Bên cạnh đó, BHXH các cấp, tổ chức phân loại, lưu trữ và bảo quản hồ sơ,

tài liệu, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý người tham gia.

1.3.3.4. Quản lý công tác thanh tra, kiểm tra

Hàng năm BHXH tỉnh, BHXH huyện tổ chức kiểm tra tình hình đóng BHXH và việc bàn giao sổ BHXH đối với các đơn vị tham gia BHXH trên địa bàn nội dung kiểm tra gồm: tình hình đăng ký tham gia BHXH gồm: số lao động, hồ sơ tham gia, tiền lương, tiền công đóng BHXH của đơn vị; bàn giao sổ BHXH cho NLĐ.

Căn cứ tình hình cụ thể của địa phương và kế hoạch kiểm tra do BHXH Việt nam giao hàng năm, BHXH tỉnh, BHXH huyện lập kế hoạch kiểm tra đối với đơn vị đang tham gia BHXH; báo cáo UBND cùng cấp để có kế hoạch phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền hoặc thành lập đoàn kiểm tra để tổ chức thực hiện.

Căn cứ hồ sơ đăng ký và hồ sơ điều chỉnh của đơn vị gửi cơ quan BHXH trong quá trình đóng BHXH, các thông báo kết quả đóng BHXH của đơn vị và NLĐ do cơ quan BHXH gửi hàng tháng, hàng năm để kiểm tra, đối chiếu với hồ sơ, chứng từ đóng BHXH tại đơn vị như danh sách lao động trong biên chế của đơn vị, danh sách trả lương, HĐLĐ, các quyết định của đơn vị đối với NLĐ; các chứng từ chuyển tiền đóng BHXH. Lập biên bản về tình hình đóng BHXH và quản lý sổ BHXH tại đơn vị.

Giải thích, hướng dẫn đơn vị khắc phục sai sót, nhầm lẫn trong quá trình đóng BHXH; bàn giao sổ BHXH theo đúng quy định của pháp luật. Các trường hợp đơn vị kê khai thiếu lao động hoặc kê khai nhầm mức tiền lương, tiền công của NLĐ thì yêu cầu đơn vị kê khai điều chỉnh và đóng theo đúng quy định.

Đối với những trường hợp vi phạm pháp luật về BHXH như trốn đóng BHXH; đóng không đúng tiền lương, tiền công của NLĐ, thu tiền của NLĐ nhưng không đóng, đóng không kịp thời, đóng không đủ số tiền phải đóng thì yêu cầu đơn vị truy đóng đủ cho NLĐ, đồng thời báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

1.3.4. Những nhân tố ảnh hưởng đến quản lý thu BHXH

1.3.4.1. Hệ thống chính sách và cơ chế quản lý thu BHXH

Hệ thống chính sách là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản lý thu BHXH. Do vậy, cần phải xem xét trong khâu ban hành chính sách về quản lý thu

BHXH có vấn đề gì hay không (chính sách ban hành có dễ hiểu, dễ tiếp cận hay không? Mức độ tiếp cận của các pháp nhân và thể nhân đối với cơ chế thu BHXH). Trong khâu tổ chức thực hiện chính sách thu BHXH có gặp phải vấn đề gì hay không (người hướng dẫn thu nộp, cơ quan chịu trách nhiệm thu nộp có gặp khó khăn gì trong việc phối hợp với các cơ quan chuyên trách cấp trên hay không? Vấn đề về quản lý hành chính có quá chồng chéo..).

Cơ chế quản lý thu BHXH là phương thức phối hợp, liên kết các yếu tố tạo thành các cách thức, các hình thức phối hợp giữa chính sách thu BHXH và quá trình tổ chức thực hiện chính sách thu BHXH đảm bảo chính sách thu BHXH đến đúng mục tiêu, đối tượng và có hiệu quả. Như vậy, trong khái niệm cơ chế thu BHXH đã bao hàm không chỉ các quy định quản lý mà còn bao hàm yếu tố con người chịu trách nhiệm thực hiện những phương thức, đường lối, quan điểm, định hướng đã được định ra trước.

1.3.4.2. Năng lực, trình độ chuyên môn của cán bộ làm công tác quản lý thu

Hiện nay công tác thu và quản lý thu BHXH rất phức tạp, khối lượng công việc nhiều, đa phần là quá tải đối với mỗi cán bộ, các văn bản luật, nghị định, hướng dẫn từ các cấp ban ngành được cập nhật thường xuyên, liên tục đòi hỏi người cán bộ phải chuyên tâm nghiên cứu, có trách nhiệm với công việc đồng thời phải có một trình độ nhất định về chuyên môn và sự hiểu biết về công nghệ thông tin, đảm bảo được việc thực hiện công tác thu hàng tháng với đơn vị phải chính xác, đúng với hướng dẫn của luật BHXH, kịp thời xử lý các phát sinh làm trái với luật BHXH ban hành, bên cạnh đó còn phát sinh một số đơn vị trốn đóng, hay lách luật với những thủ đoạn tinh vi, bài bản, đòi hỏi người cán bộ vừa phải có năng lực tốt, vừa phải có tư cách đạo đức và ý chí bền bỉ thì công tác thu và quản lý thu BHXH mới thực sự thành công và không bị ảnh hưởng của tiêu cực.

Hiệu quả công tác quản lý thu phụ thuộc rất nhiều vào năng lực, trình độ chuyên môn và khả năng tổ chức thực hiện của cán bộ quản lý từ Trung ương đến cơ sở. Do vậy, vấn đề đặt ra là phải thường xuyên quan tâm bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ làm công tác thu BHXH.

1.3.4.3. Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội có ảnh hưởng trực tiếp tới nguồn thu BHXH nói riêng và chính sách an sinh xã hội của ngành BHXH nói chung, khi kinh tế - xã hội kém phát triển thì các doanh nghiệp đang hoạt động cũng sẽ không đủ điều kiện để đóng BHXH cho NLĐ, nguồn thu BHXH sẽ bị giảm sút, đồng thời khi nền kinh tế đi xuống, sẽ có thêm nhiều doanh nghiệp phá sản, ngừng hoạt động dẫn tới NLĐ sẽ bị mất việc làm, tình trạng thất nghiệp tràn lan, bùng phát. Nguồn thu bị giảm sút nhưng chế độ về chính sách cho NLĐ như: thất nghiệp, ốm đau, thai sản, hưu trí ... vẫn phải tiếp tục, nguồn thu BHXH không đủ cho nguồn chi các chế độ BHXH sẽ làm cho nguồn quỹ BHXH bị thâm hụt.

Thực tế như ta đã biết, những cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã diễn ra tương đối phức tạp, dẫn tới suy thoái kinh tế toàn cầu. Việt Nam cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng đó, tình hình kinh tế diễn biến tiêu cực, một số doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô hoạt động, NLĐ thiếu việc làm và thu nhập giảm, doanh nghiệp thì không có vốn để kinh doanh, tình trạng nợ đọng diễn ra theo chiều hướng xấu, dẫn tới việc đóng góp vào quỹ BHXH cũng bị giảm sút nghiêm trọng ảnh hưởng không nhỏ tới việc phát triển và duy trì quỹ BHXH.

1.3.4.4. Nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật của người SDLĐ

Quyền và nghĩa vụ trong BHXH là vấn đề đóng và hưởng BHXH. NLĐ và người SDLĐ luôn mong muốn chỉ phải đóng góp BHXH ở mức thấp nhất (giảm chi phí cho gia đình và doanh nghiệp), nhưng lại muốn được hưởng BHXH tốt nhất. Vì thế, người tham gia BHXH mới tìm cách trì hoãn việc đóng BHXH hoặc giảm mức đóng góp BHXH (khai lương thấp, giảm số lao động thuộc diện phải tham gia BHXH, chậm đóng, nợ BHXH)... Vấn đề đặt ra là Nhà nước phải làm thế nào để giảm thiểu những sự lạm dụng và vi phạm pháp luật về BHXH.

Chủ doanh nghiệp chỉ thấy lợi trước mắt, lợi cục bộ cho doanh nghiệp, thiếu quan tâm đến đời sống và quyền lợi của NLĐ nên tìm mọi cách trốn tránh đăng ký tham gia BHXH cho NLĐ hoặc đăng ký tham gia theo kiểu đối phó khi có thanh tra, kiểm tra. Tình trạng chủ doanh nghiệp ký HĐLĐ có thời hạn ngắn và hợp đồng thời vụ, nhằm lách luật về BHXH. Đây là nhận thức lạc hậu, thói quen củ không

còn phù hợp trong điều kiện mới.

1.3.4.5. Công tác tuyên truyền về bảo hiểm xã hội

Đóng vai trò quan trọng trong việc thu BHXH, hiện nay còn nhiều doanh nghiệp và NLĐ chưa hiểu biết về quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia BHXH dẫn đến các doanh nghiệp và NLĐ chưa có ý thức tự giác tham gia BHXH, mà chỉ coi đó là một điều kiện bắt buộc để có thể sản xuất kinh doanh theo các quy định của Nhà nước.

NLĐ chưa ý thức được những quyền lợi mà mình được hưởng khi tham gia BHXH, trong khi đó người SDLĐ lại muốn tiết kiệm một phần chi phí sản xuất kinh doanh đáng lẽ ra phải đóng BHXH cho NLĐ của mình.

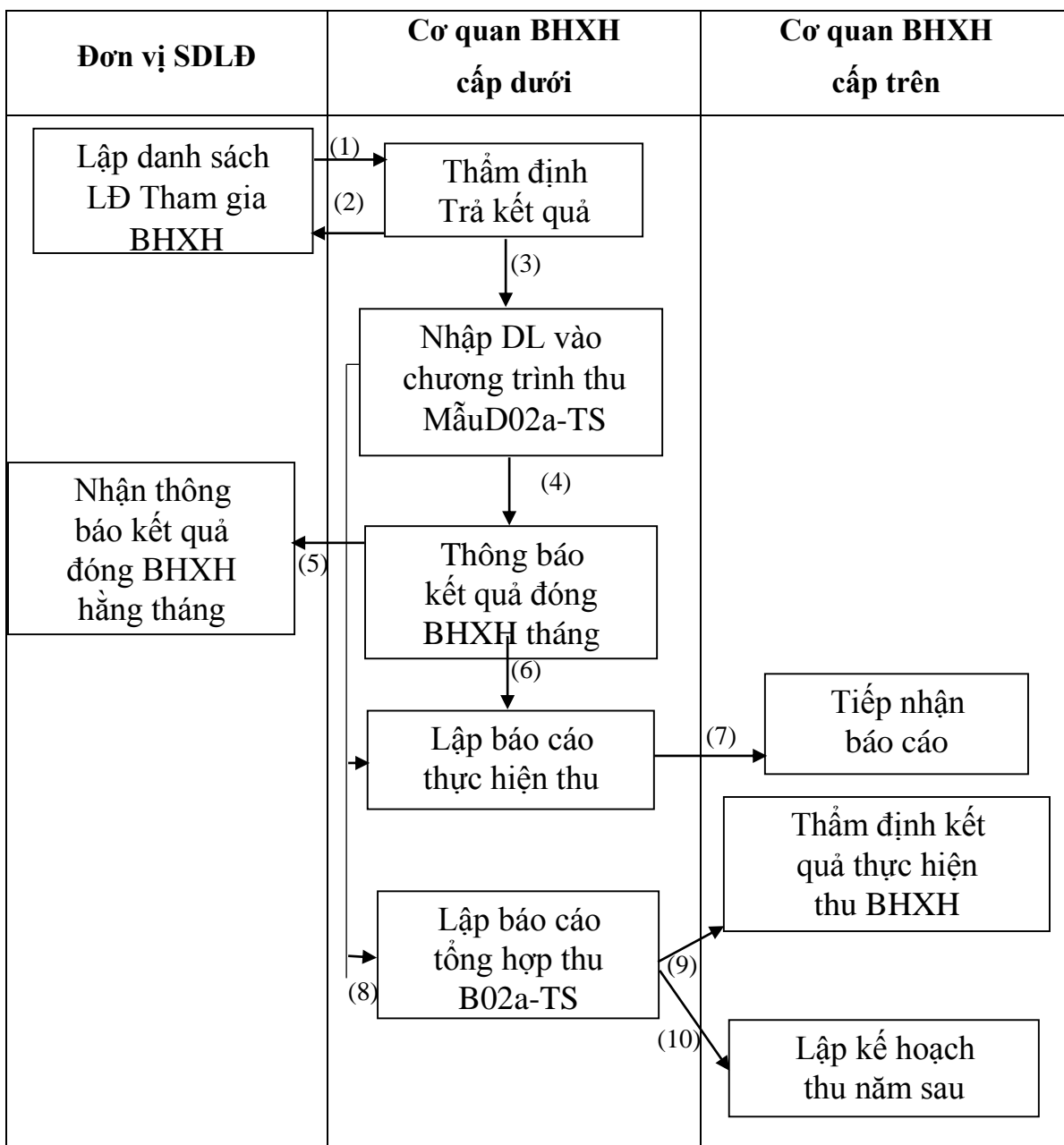
Có lúc, có nơi NLĐ và người SDLĐ đã đồng tình với nhau để không tham gia BHXH, họ mong có được thêm một khoản thu nhập từ nguồn tiền đóng vào BHXH. Cũng có tình trạng một số doanh nghiệp đã cố tình chiếm dụng số tiền đóng BHXH cho NLĐ để sử dụng làm vốn hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó gây ra tình trạng né tránh, nợ đọng tiền đóng BHXH. Đây là nguyên nhân chủ yếu làm cho công tác thu BHXH không đạt được hiệu quả cao.

1.3.4.6. Các phương tiện hỗ trợ cho hoạt động quản lý thu

BHXH là chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, thực hiện chính sách an sinh xã hội. Nên ngành BHXH cũng đã chú trọng tới việc trang bị các phương tiện hỗ trợ cho hoạt động quản lý thu. Như tất cả các cán bộ làm công tác thu đều được trang bị máy vi tính có kết nối với hệ thống quản lý dữ liệu tập trung, thông qua đường truyền cáp quang riêng, nơi làm việc được bố trí ở nơi rộng rãi thuận tiện để tiếp đối tượng tham gia BHXH.

1.3.5. Quy trình quản lý thu bảo hiểm xã hội

Sơ đồ 1.1: Quy trình quản lý thu BHXH bắt buộc



Quy trình quản lý thu BHXH là toàn bộ các khâu liên hoàn từ đầu đến cuối trong tác nghiệp thu và công tác quản lý thu BHXH theo loại đối tượng tham gia và hưởng các chế độ BHXH. Hiệu quả và kết quả thu BHXH chính là thước đo cho một quy trình thu hoàn thiện, đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu của công tác thu BHXH. Việc thực hiện thu BHXH được thực hiện qua hệ thống tài khoản cá nhân

của NLD (với các nước có nền công nghiệp phát triển và được hiện đại hóa trong quản lý). Thời gian tham gia BHXH được ghi nhận bằng các phương thức quản lý hiện đại như thẻ BHXH điện tử và qua mạng vi tính theo một chu trình khép kín. Như vậy, quy trình quản lý thu BHXH chính là các bước nhằm đảm bảo cho công tác thu BHXH đạt hiệu quả cao nhất. Quy trình quản lý thu BHXH được thực hiện theo các bước

1.4. Kinh nghiệm của một số địa phương trong tỉnh Quảng Nam

1.4.1. Kinh nghiệm của huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam

Năm 2017, trên địa bàn huyện Thăng Bình có khoản 80.091 người có việc làm việc trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhưng mới chỉ có 12.587 người tham gia BHXH.

Với quyết tâm bảo vệ quyền lợi cho người lao động, BHXH huyện đã chủ động tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định thành lập tổ công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật về BHXH trên địa bàn huyện, cùng Phòng Lao động Thương binh & Xã hội, Liên đoàn lao động huyện xây dựng kế hoạch liên tịch thực hiện công tác tuyên truyền pháp luật BHXH cho NLD và người SDLĐ tại đơn vị. Trong năm 2017, trên địa bàn huyện tăng thêm 25 đơn vị DNNQD tham gia BHXH với trên 1.150 lao động.

Tính đến tháng 12/2017, BHXH huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam đã quản lý thu 385 đơn vị, với hơn 12.500 lao động và tổng số thu BHXH bắt buộc đạt 287 tỷ đồng.

1.4.2. Kinh nghiệm của huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Theo báo cáo của BHXH huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam: trong năm 2017 trên địa bàn huyện có 819 doanh nghiệp đang sử dụng 45.445 lao động, nhưng thực tế mới có 546 đơn vị với 34.937 lao động đóng BHXH; một số đơn vị nợ đọng BHXH kéo dài với số tiền trên 5 tỷ đồng. Để giải quyết vấn đề này, BHXH huyện đã có nhiều biện pháp thực hiện có hiệu quả, đó là: hàng năm, trên Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện, trên hệ thống phát thanh của các xã đều có chuyên mục giải đáp chế độ, chính sách BHXH. Trên một số trục đường lớn, Khu công nghiệp đều có pa nô, áp phích, in các tài liệu phát tay, các văn bản hướng dẫn gửi các đơn

vị SDLĐ. Thực hiện ký kết công tác phối hợp với Ban quản lý Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc về việc bảo đảm quyền lợi cho NLD để có biện pháp tích cực vận động; đồng thời phối hợp với Phòng LĐTB&XH và Liên Đoàn lao động huyện tổ chức các đoàn thanh tra liên ngành để chấn chỉnh kịp thời các vi phạm; những đơn vị cố tình vi phạm thì lập Biên bản xử lý hành chính hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền can thiệp. Đối với những doanh nghiệp nợ đọng BHXH có thể sử dụng biện pháp kiến nghị ngừng giao dịch, không giải quyết các quyền lợi mà NLD được hưởng, nhờ đó mà việc đăng ký tham gia BHXH của các DNNQD được chấn chỉnh và tình trạng nợ đọng BHXH cơ bản được giải quyết.

1.4.3. Một số bài học rút ra từ kinh nghiệm quản lý thu BHXH của một số địa phương trong tỉnh

Những địa phương đạt được hiệu quả cao trong quản lý thu BHXH bắt buộc đều có chung một điểm là biết tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao một cách sáng tạo, không rập khuôn máy móc, phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị ở cơ sở tham gia vào công tác BHXH, bài học kinh nghiệm cần được rút ra đó là:

Tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương trong công tác BHXH. Thực hiện phương châm cấp ủy Đảng và chính quyền tổ chức thực hiện, cơ quan BHXH làm tham mưu, có sự phối hợp đồng bộ của các cơ quan hữu quan tạo thành sức mạnh tổng hợp trong công tác BHXH mà trọng tâm là khắc phục nợ đọng BHXH và phát triển đối tượng tham gia.

Cơ quan BHXH phải chủ động các biện pháp thực hiện, đặc biệt coi trọng năng lực xây dựng các phương án tổ chức thực hiện, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thu, làm cho đối tượng tham gia BHXH tin tưởng, phấn khởi và yên tâm khi tham gia BHXH, biến quá trình nhận thức từ bắt buộc sang tự giác thực hiện.

Tổ chức tốt công tác phối hợp liên ngành trong việc thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực BHXH; phương châm là đề cao công tác thông tin, tuyên truyền, vận động thuyết phục là chủ yếu, nhưng không xem nhẹ xử lý vi phạm, đặc biệt chọn một số đơn vị điển hình, lập hồ sơ kiến nghị khởi tố ra Tòa án để răn đe, giáo dục chung.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THU BẢO HIỂM XÃ HỘI TẠI HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

2.1. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội và tổ chức Bảo hiểm xã hội huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam

2.1.1. Khái quát tình hình kinh tế-xã hội huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam

2.1.1.1. Điều kiện tự nhiên.

Quế Sơn có trên 60% diện tích là vùng đồi núi, phía Tây có các dãy núi cao như: Yang - Brai (1.143 m), Bàn Cờ (1.037 m), Hòn Tàu - Đèo Le (953 m)... Vùng đồng bằng nhỏ hẹp ở phía Đông và xen kẽ giữa các khu vực đồi gò. Phân theo 3 dạng địa hình:

- *Địa hình đồi núi:* Xã Quế Phong nằm ở phía Tây, chiếm trên 60% tổng diện tích tự nhiên. Độ cao trung bình 500-1000 m. Địa hình chủ yếu là gò đồi, có nhiều hồ đập nhỏ, cơ sở hạ tầng còn nghèo nàn, đặc biệt hệ thống giao thông đường bộ chưa được đầu tư tạo điều kiện cho phát triển kinh tế.

- *Địa hình trung du:* Gồm các xã Quế Cường, Phú Thọ, Quế Thuận, Quế Hiệp, Quế Châu, Quế Minh, Quế An, Quế Long, Thị trấn Đông Phú Là vùng tiếp giáp giữa núi cao và vùng đồng bằng, độ cao trung bình 50-150 m. Phân bố chủ yếu ở vùng trung, diện tích chiếm khoảng 30% tổng diện tích tự nhiên. Điều kiện về đất đai, giao thông đường bộ khá thuận lợi. Đây là vùng hội tụ đầy đủ các yếu tố để phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp như cây thực phẩm, chăn nuôi gia súc, gia cầm và hình thành các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tạo tiền đề thúc đẩy kinh tế của huyện nhà.

- *Vùng đồng bằng:* Gồm các xã Quế Xuân 1, Quế Xuân 2, Quế Phú, Hương An. Tập trung ở phía Đông và xen kẽ giữa các vùng gò đồi. Đây là vùng đất đai bằng phẳng, giao thông thuận lợi (quốc lộ và tỉnh lộ chạy qua) phù hợp cho phát triển các loại cây trồng ngắn ngày có hiệu quả kinh tế cao; thuận lợi cho phát triển công nghiệp. Vùng này có Khu công nghiệp Đông Quế Sơn với tổng diện tích 457,72 ha, đã thu hút được Công ty TNHH An Thịnh Quảng Nam đầu tư, tổng vốn đầu tư 336.078 tỷ đồng.

Nhìn chung, địa hình huyện Quế Sơn phân bố thấp dần từ Tây sang Đông, trong đó hơn 60% địa hình đồi núi cao, về mùa mưa sẽ gây ra hiện tượng xói mòn đất và thoái hóa đất. Còn lại địa hình gò đồi và đồng bằng, với địa hình này luôn được phù sa bồi đắp nên thích hợp cho sản xuất nông nghiệp.

2.1.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

* Về kinh tế:

Quế Sơn là huyện trung du của tỉnh Quảng Nam, nằm cách tỉnh lỵ Tam Kỳ 30 km về phía tây bắc, cách thành phố Đà Nẵng 40 km về phía Tây Nam. Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 251,17 km², phía bắc giáp huyện Duy Xuyên, phía nam giáp huyện Hiệp Đức, phía đông giáp huyện Thăng Bình, phía tây giáp huyện Nông Sơn.

Huyện Quế Sơn có 14 đơn vị hành chính (13 xã, 01 thị trấn), là đơn vị hành chính của tỉnh, có địa thế chuyển tiếp giữa vùng đồng bằng trung du và miền núi. Quế Sơn nằm trên trục phát triển kinh tế - xã hội quan trọng, điểm kết nối giữa Nông Sơn - Tam Kỳ - Đà Nẵng.

Hệ thống giao thông quốc lộ 1A chạy qua địa bàn huyện có chiều dài là 8,5km, qua địa phận các xã Quế Xuân 1, Quế Xuân 2, Quế Phú, Hương An. Đường tỉnh (ĐT) chạy qua địa bàn huyện có 02 tuyến: ĐT 611A và ĐT 611B, có tổng chiều dài tuyến 37,5 km, trong đó có 22km bê tông nhựa và 15,5km thâm nhập nhựa. Đường huyện (ĐH) có 18 tuyến, với tổng chiều dài 119,29 km. Tuyến đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi đầu nối với quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, quốc lộ 14B, quốc lộ 14D, quốc lộ 14E. Đây là điều kiện thuận lợi để địa phương giao lưu kinh tế với các địa phương khác.

Vùng đồng bằng sông Vu Gia và sông Thu Bồn có mối quan hệ bền chặt về kinh tế - xã hội và môi trường sinh thái đa dạng với các hệ sinh thái đồi núi, đồng bằng, ven biển. Đảm bảo nguyên tắc quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Nam.

Các điều kiện nói trên góp phần phát huy tối đa tiềm năng của mọi cá nhân, thành phần kinh tế trên địa bàn, đồng thời tăng cường quan hệ liên kết thu hút mọi nguồn lực từ bên ngoài để phát triển. Bảo đảm hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với hiệu

quả xã hội và môi trường sinh thái để duy trì phát triển bền vững.

** Về xã hội:*

Dân số trung bình trên địa bàn huyện năm 2017 là 84.778 người, mật độ dân số 329 người/km², tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 9,51%, dân số trong độ tuổi lao động 56.322 người chiếm 66,43% dân số, dân cư chủ yếu sinh sống vùng nông thôn.

Nguồn nhân lực tương đối đông nhưng khả năng tiếp thu công nghệ mới và trình độ còn thấp. Lao động làm việc trong đơn vị hành chính sự nghiệp năm 2017 là 2.768 người; Lao động trong ngành công nghiệp, trong đó nông lâm thủy sản là 42.500 người; Lao động công nghiệp là 2.865 người; Lao động trong ngành xây dựng là 1.320 người; Lao động trong ngành dịch vụ là 1.121 người. Số lao động làm việc trong các ngành nông lâm thủy sản chiếm tỷ lệ cao, trong khi đó lao động làm việc trong các ngành công nghiệp dịch vụ tỷ lệ thấp do hoạt động sản xuất phi nông lâm nghiệp còn hạn chế năm 2017 là 7.053 người.

2.1.1.3. Một số kết quả về phát triển kinh tế - xã hội

Những năm qua, trong điều kiện thuận lợi và khó khăn đan xen nhưng với quyết tâm cao, Đảng bộ chính quyền và nhân dân huyện Quế Sơn đã thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII đã đề ra. Các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế đều đạt và vượt như: Tổng giá trị sản xuất tăng bình quân hằng năm 15,18%, vượt 2,18% so với chỉ tiêu Nghị quyết. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới được triển khai hiệu quả, tổng nguồn vốn huy động đầu tư xây dựng nông thôn mới của địa phương gần 850 tỷ đồng. Đến nay, đã có 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới là: Hương An, Quế Xuân 1 và Quế Long. Văn hóa - xã hội của huyện có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện. Năm 2017, tổng giá trị sản xuất theo giá hiện hành của huyện Quế Sơn ước đạt 5.230 tỷ đồng, tăng 10,29% so với năm 2016. Trong đó, giá trị sản xuất Nông - Lâm nghiệp - Thủy sản đạt 1.086 tỷ đồng; Giá trị Công nghiệp - Xây dựng đạt 2.289 tỷ đồng; Giá trị Thương mại - Dịch vụ đạt 1.855 tỷ đồng. Tổng thu ngân sách nhà nước ước đạt 849 tỷ đồng, trong đó thu phát sinh kinh tế ước đạt trên 100 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người đạt 27 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 6,36%. Tại

đại hội, Đảng bộ huyện Quế Sơn xác định khâu đột phá trong giai đoạn 2015 - 2020 là xây dựng kết cấu hạ tầng và tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng để thu hút đầu tư; phấn đấu đến năm 2020, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ chiếm 88% cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên, Quế Sơn vẫn thuộc huyện nghèo, kinh tế nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn, thu nhập bình quân đầu người/năm mới bằng 2/3 mức bình quân đầu người của tỉnh Quảng Nam.

2.1.2. Khái quát về Bảo hiểm xã hội huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam

2.1.2.1. Sự hình thành và phát triển của Bảo hiểm xã hội huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam

** Quá trình hình thành*

BHXH huyện Quế Sơn được thành lập theo Quyết định số 10/TC-CB ngày 18/8/1995 của Giám đốc BHXH tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ). Năm 1997, do việc chia tách tỉnh thành hai đơn vị hành chính là Tỉnh Quảng nam và Thành phố Đà Nẵng; theo đó, BHXH huyện Quế Sơn là đơn vị trực thuộc BHXH tỉnh Quảng Nam.

Ban đầu có 04 đồng chí, gồm: 01 Giám đốc, 01 kế toán kiêm phụ trách công tác thu BHXH, 01 phụ trách chính sách, chế độ và 01 thủ quỹ kiêm văn thư. Từ đó đến nay, qua quá trình thay đổi, điều động, tiếp nhận mới, nghỉ hưu... đến nay, BHXH huyện Quế Sơn có 12 định biên.

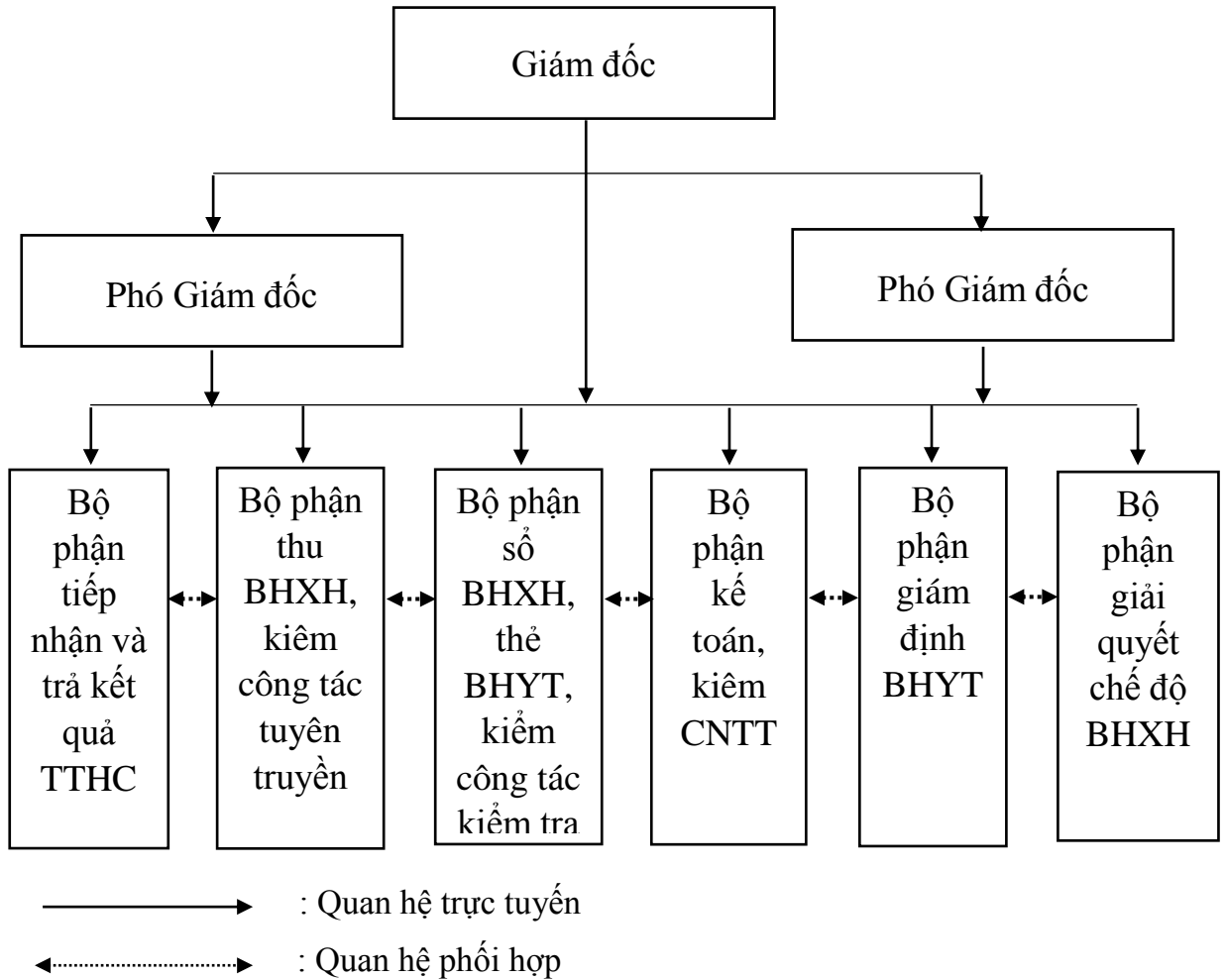
Trụ sở làm việc của cơ quan, do ban đầu thành lập chưa xây dựng được nên được UBND huyện cho làm việc chung với trụ sở làm việc của UBND huyện. Đến nay, được ngành đầu tư xây dựng, đã đưa vào sử dụng làm việc. Trang thiết bị làm việc của cơ quan được trang bị đầy đủ đảm bảo đáp ứng yêu cầu công tác, nhất là đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả công tác chuyên môn.

** Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Bảo hiểm xã hội huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.*

BHXH huyện Quế Sơn là đơn vị thực hiện các nhiệm vụ về BHXH trên địa bàn huyện theo quy định của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam và theo phân cấp của BHXH tỉnh Quảng Nam. Đơn vị do một Giám đốc quản lý và điều hành theo chế độ thủ trưởng, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ. Giám đốc Bảo hiểm xã

hội huyện chịu trách nhiệm trước Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh và trước pháp luật khi tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Bảo hiểm xã hội huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam



Giám đốc: là người đứng đầu cơ quan, phụ trách toàn bộ hoạt động của BHXH huyện, trực tiếp chỉ đạo công tác tài chính - kế toán, bộ phận sổ BHXH, thẻ BHYT, công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị.

Phó Giám đốc: Giúp việc cho Giám đốc có 02 viên chức được bổ nhiệm Phó Giám đốc, giúp Giám đốc điều hành công việc khi Giám đốc đi vắng và được Giám đốc phân công phụ trách một số lĩnh vực của đơn vị cụ thể như sau: Một đồng chí Phó Giám đốc phụ trách công tác thu, công tác tuyên truyền về BHXH, BHYT và công tác kiểm tra; một đồng chí Phó Giám đốc phụ trách công tác giải quyết chế độ và giám định BHYT.

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC: Giúp đồng chí Giám đốc tổ chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết, tư vấn chế độ chính sách BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp, quản lý và lưu trữ hồ sơ tài liệu.

Bộ phận thu BHXH, BHYT, kiêm công tác tuyên truyền: có nhiệm vụ hướng dẫn các đơn vị SDLĐ đăng ký tham gia BHXH, đôn đốc việc trích nộp BHXH trên địa bàn, lập kế hoạch công tác thu BHXH hàng quý, hàng năm, báo cáo kết quả thu BHXH về tỉnh theo quy định. Thực hiện công tác tuyên truyền các chính sách BHXH, BHYT đến các đơn vị SDLĐ và các địa phương trên địa bàn huyện.

Bộ phận cấp sổ BHXH, thẻ BHYT: Trực tiếp phụ trách công tác cấp sổ BHXH và thẻ BHYT. Tổng hợp báo cáo tình hình cấp, quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT trên địa bàn theo đúng quy định.

Bộ phận kế toán, kiêm CNTT: có nhiệm vụ theo dõi và quản lý hoạt động tài chính của đơn vị, tổ chức hoạch toán, kế toán, hàng tháng tiếp nhận kinh phí và tổ chức chi trả cho đối tượng hưởng các chế độ BHXH, BHYT trên địa bàn huyện. Quản lý và tổ chức thực hiện việc phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của hệ thống Bảo hiểm xã hội huyện theo quy định.

Bộ phận giám định BHYT: có nhiệm vụ quản lý và tổ chức thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm y tế cho người có thẻ bảo hiểm y tế theo qui định của pháp luật.

Bộ phận giải quyết chế độ BHXH: phụ trách chế độ BHXH, giải quyết các chế độ BHXH, bảo hiểm thất nghiệp; quản lý đối tượng hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

2.1.2.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của bảo hiểm xã hội huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam

** Chức năng của BHXH huyện.*

Bảo hiểm xã hội huyện Quế Sơn là cơ quan trực thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam đặt tại địa bàn huyện, có chức năng giúp Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam tổ chức thực hiện chế độ, chính sách BHXH, BHYT; quản lý thu, chi BHXH, BHTN, BHYT trên địa bàn huyện theo quy định. Bảo hiểm xã hội huyện chịu sự quản lý trực tiếp, toàn diện của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh và

chịu sự quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn của Ủy ban nhân dân huyện. BHXH huyện có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản và trụ sở riêng.

** Nhiệm vụ và quyền hạn của BHXH huyện*

- Xây dựng trình Giám đốc BHXH tỉnh kế hoạch phát triển BHXH huyện dài hạn, ngắn hạn và chương trình công tác hàng năm; tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình sau khi được phê duyệt.

- Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chế độ, chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN.

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp của BHXH Việt Nam và BHXH tỉnh, cụ thể:

+ Cấp sổ BHXH, thẻ BHYT cho những người tham gia BHXH, BHYT;

+ Khai thác, đăng ký, quản lý các đối tượng tham gia và hưởng chế độ BHXH, BHTN, BHYT. Thu các khoản đóng BHXH, BHTN, BHYT đối với các tổ chức và cá nhân tham gia, từ chối việc đóng các chế độ BHXH, BHTN, BHYT không đúng quy định. Kiểm tra việc ký hợp đồng, việc đóng, trả BHXH, BHTN, BHYT đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng lao động;

+ Ký hợp đồng với các tổ chức làm đại lý thu BHXH, BHYT và đại lý chi các chế độ BHXH, BHTN theo quy định;

+ Giải quyết các chế độ BHXH, BHYT; tổ chức bộ phận tiếp nhận, trả kết quả giải quyết chế độ BHXH, BHYT theo cơ chế “một cửa” tại Bảo hiểm xã hội huyện;

+ Chi trả các chế độ BHXH, BHTN, BHYT; từ chối chi trả các chế độ BHXH, BHTN, BHYT không đúng quy định;

+ Tiếp nhận khoản kinh phí từ Ngân sách Nhà nước chuyển sang để đóng, hỗ trợ đóng cho các đối tượng tham gia BHTN, BHYT;

+ Quản lý, sử dụng, hạch toán kế toán các nguồn kinh phí và tài sản của Bảo hiểm xã hội huyện theo phân cấp;

+ Ký, tổ chức thực hiện hợp đồng khám chữa bệnh BHYT với các cơ sở khám, chữa bệnh có đủ điều kiện, tiêu chuẩn chuyên môn, kỹ thuật theo phân cấp.

- Kiểm tra, giải quyết các kiến nghị, khiếu nại về việc thực hiện chế độ,

chính sách BHXH, BHTN, BHYT đối với các tổ chức, cá nhân tham gia và các cơ sở khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định.

- Thực hiện chương trình, kế hoạch cải cách hành chính theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội tỉnh. Tổ chức triển khai hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của Bảo hiểm xã hội huyện.

- Tổ chức thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH, BHTN, BHYT theo quy định.

- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của đối tượng tham gia và hưởng các chế độ BHXH, BHYT theo quy định.

- Hướng dẫn nghiệp vụ BHXH, BHTN, BHYT cho các tổ chức, cá nhân tham gia.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn, với các tổ chức, cá nhân tham gia BHXH, BHTN, BHYT để giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện các chế độ BHXH, BHTN, BHYT theo quy định.

- Đề xuất, kiến nghị, phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các chế độ BHXH, BHTN, BHYT.

- Có quyền khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu tòa án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích nhà nước trong lĩnh vực BHXH, BHTN, BHYT trên địa bàn.

- Cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về việc đóng, quyền được hưởng các chế độ, thủ tục thực hiện chính sách BHXH, BHTN, BHYT khi NLĐ, người SDLĐ hoặc tổ chức công đoàn yêu cầu; Cung cấp đầy đủ và kịp thời tài liệu, thông tin liên quan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Định kỳ 6 tháng, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về lao động ở địa phương cập nhật thông tin về tình hình sử dụng lao động, trên địa bàn. Phối hợp cơ quan thuế cập nhật mã số thuế của tổ chức, cá nhân; định kỳ hàng năm, cập nhật thông tin do cơ quan thuế cung cấp về chi phí tiền lương để tính thuế của doanh nghiệp hoặc tổ chức.

- Quản lý viên chức, HĐLĐ của Bảo hiểm xã hội huyện.

- Tham gia nghiên cứu khoa học, thực hiện chế độ thông tin, thống kê, báo

cáo, thi đua - khen thưởng theo phân cấp của Bảo hiểm xã hội tỉnh.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh giao.

2.2. Thực trạng thu bảo hiểm xã hội tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013 - 2017

Ngay từ khi mới thành lập, BHXH huyện Quế Sơn luôn xác định BHXH là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước và xem vấn đề thu BHXH nhiệm vụ trọng tâm của toàn ngành. Nhờ công tác thu BHXH sẽ tạo lập được nguồn quỹ BHXH, trên cơ sở đó thực hiện được các chính sách BHXH cho NLD. Có thể thấy công tác thu BHXH là một nghiệp vụ quan trọng của ngành BHXH, đầu tư cho công tác này cũng đồng nghĩa cho việc đầu tư đến nguồn hình thành và phát triển quỹ BHXH, làm cơ sở hoạch định chính sách BHXH xây dựng kế hoạch bảo toàn và phát triển quỹ.

2.2.1. Tình hình tham gia bảo hiểm xã hội

2.2.1.1. Số đơn vị tham gia BHXH

Trong những năm qua, hầu hết các đơn vị SDLĐ trên địa bàn huyện đều thực hiện nghiêm túc việc đăng ký tham gia BHXH đồng thời cũng thực hiện khá tốt các quy trình, thủ tục hồ sơ cho NLD tham gia BHXH đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng.

Bảng 2.1. Số đơn vị tham gia BHXH tại BHXH huyện Quế Sơn, giai đoạn 2013 – 2017

Đơn vị tính: Đơn vị

Số TT	Loại hình	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	DNNN	5	4	1	0	0
2	DNVĐTNN	1	1	2	3	3
3	DN NQD	37	43	55	62	69
4	Hợp tác xã	12	13	13	12	12
5	HCSN, Đảng, Đoàn thể	87	85	84	84	85
6	Xã, thị trấn	14	14	14	14	14
7	NCL	1	1	1	1	0
Tổng cộng		157	161	170	176	183

Nguồn: BHXH huyện Quế Sơn

Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy rằng tổng số đơn vị tham gia BHXH tại BHXH huyện Quế Sơn đều tăng qua 5 năm từ 2013 đến năm 2017. Năm 2013 số đơn vị tham gia BHXH là 157 đơn vị đến năm 2017 số đơn vị lên đến 182 đơn vị, tăng 26 đơn vị tức là tăng 16,67%:

Năm 2014 tăng 4 đơn vị tham gia BHXH so với năm 2013;

Năm 2015 tăng 9 đơn vị tham gia BHXH so với năm 2014;

Năm 2016 tăng 6 đơn vị tham gia BHXH so với năm 2015;

Năm 2017 tăng 7 đơn vị tham gia BHXH so với năm 2016;

Cùng với việc gia tăng về số đơn vị tham gia BHXH hằng năm thì số lao động tham gia BHXH cũng tăng theo

2.2.1.2. Số lao động tham gia BHXH

Đối tượng tham gia BHXH bắt buộc ban đầu chỉ bao gồm NLD trong khu vực Nhà nước, sau đó từng bước được mở rộng ra các doanh nghiệp trong các thành phần kinh tế khác nhau có sử dụng từ 10 lao động trở lên. Từ tháng 01 năm 2003, đối tượng tham gia BHXH được mở rộng tới NLD làm việc theo hợp đồng lao động từ 3 tháng trở lên và hợp đồng không xác định thời hạn trong các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức không phân biệt quy mô lao động và thành phần kinh tế, bao gồm cả NLD làm việc trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã. Từ ngày 01/01/2018, thực hiện theo quy định của Luật BHXH, đối tượng tham gia BHXH được mở rộng thêm là NLD làm việc theo HĐLĐ có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng và NLD là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam có giấy phép lao động hoặc chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Quy định này đã tạo ra sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế và số lượng NLD tham gia BHXH bắt buộc đã tăng lên đáng kể qua các năm.

Bảng 2.2. Số lao động tham gia BHXH bắt buộc tại BHXH huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013 – 2017

Đơn vị tính: Người

Số TT	Loại hình	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	DNNN	105	71	0	0	0
2	DNVĐTNN	151	186	180	670	1.552
3	DNNQD	539	681	938	1.188	1.125
4	Hợp tác xã	51	54	50	45	40
5	HCSN, Đảng, Đoàn thể	2.018	2.068	2.035	2.031	1.940
6	Xã, thị trấn	264	273	260	484	482
7	NCL	8	7	6	4	0
Tổng cộng		3.136	3.340	3.469	4.422	5.139

Nguồn: BHXH huyện Quế Sơn

Bảng 2.2 cho thấy số lượng lao động tham gia BHXH bắt buộc tăng lên qua các năm. Năm 2013 số lao động tham gia BHXH là 3.136 người thì đến năm 2017 là 5.139, gấp gần 1,64 lần so với năm 2013.

Năm 2014 tăng 204 lao động tham gia BHXH so với năm 2013;

Năm 2015 tăng 129 lao động tham gia BHXH so với năm 2014;

Năm 2016 tăng 953 lao động tham gia BHXH so với năm 2015;

Năm 2017 tăng 717 lao động tham gia BHXH so với năm 2016;

Số đơn vị và số lao động tham gia BHXH tăng, từ đó làm cho tốc độ thu BHXH trên địa bàn huyện cũng tăng theo từng năm.

2.2.2. Tình hình thu bảo hiểm xã hội

BHXH huyện Quế Sơn đã luôn chú trọng quản lý chặt chẽ công tác thu BHXH nhằm phát triển quỹ BHXH. BHXH huyện đã triển khai kế hoạch ngay từ đầu năm, trên cơ sở các văn bản quy định của cấp trên để xây dựng phương án thu tối ưu có chất lượng và hiệu quả để thực hiện thu đúng, thu đủ, cuối năm hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao bằng các giải pháp chủ yếu là thường xuyên đôn đốc, bám sát đơn vị, gắn công tác thu với công tác giải quyết chế độ BHXH cho NLĐ.

**Bảng 2.3. Kết quả thu BHXH bắt buộc tại BHXH huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam,
giai đoạn 2013- 2017**

Đơn vị tính: 1.000đồng

Số TT	Loại hình	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	So sánh(2017/2013)	
							Số tiền (+/-)	Tỷ lệ (%)
1	DNNN	991.190	871.080	0	0	0	-991.190	-100
2	DNVĐTNN	708.800	1.101.060	1.238.990	2.841.710	11.856.080	11.147.280	1.572,69
3	DNNQD	2.990.310	4.365.560	6.265.670	9.884.140	12.405.610	9.415.300	314,86
4	Hợp tác xã	285.010	325.400	376.750	371.060	397.520	112.510	39,47
5	HCSN, Đảng, Đoàn thể	25.691.660	30.159.970	29.361.820	30.638.660	31.760.410	6.068.750	23,62
6	Xã, thị trấn	2.201.180	2.653.910	2.637.550	3.483.410	3.910.860	1.709.680	77,67
7	NCL	58.910	63.510	41.650	40.080	0	-58.910	-100
Tổng cộng		32.927.060	39.540.490	39.922.430	47.259.060	60.330.480	27.403.420	83,22

Nguồn: BHXH huyện Quế Sơn

Qua bảng 2.3 ta thấy số thu BHXH bắt buộc tăng lên qua các năm. Từ năm 2013 số thu là 32.927.060 ngàn đồng thì đến năm 2017 số thu BHXH bắt buộc là 60.330.480 ngàn đồng, tăng lên 27.403.420 ngàn đồng với tỷ lệ tăng là 83,22%.

Trong đó, khối HCSN, Đảng, Đoàn có số thu lớn hơn so với các khối khác và tăng lên qua 5 năm do số lao động làm việc trong các đơn vị này chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng số lao động trên địa bàn. Từ năm 2013 số thu của loại hình này là 25.691.660 ngàn đồng thì đến năm 2017 số thu lên tới 31.760.410 ngàn đồng, tức là tăng 6.068.750 ngàn đồng, với tỷ lệ tăng là 23,62%

Khối DNNN và khối NCL là khu vực có số thu BHXH bắt buộc đến cuối năm 2017 giảm, không còn số liệu thu do các đơn vị chuyển đổi sang các loại hình khác.

DNNQD có số thu tăng đều qua các năm. Năm 2013 số thu của loại hình này là 2.990.310 ngàn đồng thì đến năm 2017 con số này tăng lên là 12.405.610 ngàn đồng, tăng 9.415.300 ngàn đồng, với tỷ lệ tăng 314,86%. Nguyên nhân là do số lao động làm việc trong khu vực này tăng lên 586 người qua 5 năm.

Đặc biệt khối DNVĐTNN có số thu tăng nhanh qua các năm. Từ năm 2013 loại hình này có số thu BHXH chỉ có 708.800 ngàn đồng thì đến năm 2017 số thu BHXH đã tăng lên đến là 11.856.080 ngàn đồng, tức là tăng 1.572,69%. Thực tế cho thấy, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng thu hút nhiều lao động làm việc vì môi trường làm việc chuyên nghiệp, mức lương cao hơn so với các công ty trong nước. Điều này dẫn đến số lượng lao động của loại hình này ngày càng tăng, góp phần tăng số tiền thu BHXH.

Để có được kết quả thu đáng khích lệ như vậy, một phần cũng nhờ vào sự chỉ đạo, đôn đốc kịp thời của lãnh đạo các cấp, sự tận tụy trong công việc của các cán bộ thu BHXH, nắm bắt kịp thời tình hình thu BHXH hàng tháng của các đơn vị SDLĐ để thông báo, nhắc nhở các đơn vị đóng đúng thời gian và đóng đủ số tiền theo quy định. Đặc biệt là thực hiện tốt công tác quản lý thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, không để tình trạng nợ đọng xảy ra.

Bên cạnh đó, lương tối thiểu vùng tăng lên dẫn đến số tiền đóng BHXH tăng và số thu BHXH tăng. Vì vậy, đây cũng là một trong những nguyên nhân làm số thu

BHXH của các năm tăng lên. Cụ thể như sau:

- Từ ngày 01/01/2013 đến hết ngày 31/12/2013 mức lương tối thiểu vùng được điều chỉnh theo Nghị định số 103/2012/NĐ-CP ngày 04/12/2012.

- Căn cứ vào Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính Phủ Quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Theo đó, mức lương cơ sở áp dụng từ ngày 01/07/2013 là 1.150.000 đồng/tháng.

- Mức lương tối thiểu vùng năm 2014 được tăng lên theo Nghị định 182/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính Phủ.

- Mức lương tối thiểu vùng năm 2015 được tăng lên theo Nghị định 103/2014/NĐ-CP ngày 11/11/2014 của Chính Phủ.

- Mức lương tối thiểu vùng năm 2016 được tăng lên theo Nghị định 122/2015/NĐ-CP ngày 14/11/2015 của Chính Phủ.

- Căn cứ vào Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính Phủ Quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Theo đó, mức lương cơ sở áp dụng từ ngày 01/5/2016 là 1.210.000 đồng/tháng.

- Mức lương tối thiểu vùng năm 2017 được tăng lên theo Nghị định 153/2016/NĐ-CP ngày 14/11/2016 của Chính Phủ.

- Và cũng theo quy định tại Nghị định 153/NĐ-CP ngày 14/11/2016, thì từ ngày 01/01/2017, địa bàn huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cũng chuyển từ vùng IV lên vùng III, từ đó tiền lương làm căn cứ thu BHXH của NLĐ cũng áp dụng theo vùng III, điều này cũng là nguyên nhân làm cho số thu BHXH tăng lên.

- Căn cứ vào Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính Phủ Quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Theo đó, mức lương cơ sở áp dụng từ ngày 01/7/2017 là 1.300.000 đồng/tháng.

Nhìn chung công tác thu BHXH đã đạt được một số kết quả quan trọng như số lao động và số đơn vị tham gia BHXH bắt buộc tăng đáng kể, số thu luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch mà BHXH tỉnh giao. Điều này cho thấy ý thức của NLĐ

và các đơn vị SDLĐ về BHXH đã có chuyển biến tích cực và công tác thu đang ngày càng được nâng cao.

2.3. Thực trạng quản lý thu bảo hiểm xã hội tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013-2017

2.3.1. Quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội

Công tác quản lý đối tượng tham gia BHXH bắt buộc luôn được BHXH huyện Quế Sơn quan tâm hàng đầu vì quản lý thu BHXH trước hết phải quản lý được số lượng doanh nghiệp, đơn vị có sử dụng lao động thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều bất cập trong việc quản lý số lượng lao động thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc trong các doanh nghiệp. Qua công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành hoặc định kỳ và đột xuất, luôn có phát hiện ra các sai phạm, trong đó vi phạm về đăng ký số NLĐ tham gia BHXH thấp hơn thực tế đang diễn ra rất phổ biến, đặc biệt là đối với các DNNQD.

Bảng 2.4. Tình hình quản lý lao động tham gia BHXH tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2013-2017

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Tổng số người trong độ tuổi lao động có việc làm	Người	63.921	63.945	63.698	55.136	57.627
Số người tham gia BHXH	Người	3.136	3.340	3.469	4.422	5.139
Tỷ lệ người tham gia BHXH so với tổng số người trong độ tuổi lao động có việc làm	%	4,91	5,22	5,45	8,02	8,92

Nguồn: *Niên Giám Thống kê năm 2017 huyện Quế Sơn; BHXH huyện Quế Sơn*

Từ bảng số liệu ta thấy, tỷ lệ người tham gia BHXH so với tổng số người trong độ tuổi lao động có việc làm tăng lên qua các năm. Đây là kết quả đáng mừng

cho công tác quản lý đối tượng tham gia BHXH trên địa bàn huyện Quế Sơn. Tuy nhiên, tính đến tháng 12/2017, toàn huyện có 183 đơn vị, tổng số lao động thuộc diện tham gia BHXH khoảng 57.627 lao động nhưng mới có 5.139 lao động được tham gia BHXH, chiếm tỷ lệ rất thấp 8,92%.

Hiện nay, thực tế việc theo dõi tình hình đăng ký tham gia BHXH đối với các doanh nghiệp đặc biệt là DNNQD gặp nhiều khó khăn. Tình trạng đóng BHXH không đúng số lao động hiện có vẫn đang diễn ra rất phổ biến. Lợi dụng kẽ hở của pháp luật về lao động và BHXH, nhiều chủ doanh nghiệp ký HĐLĐ ngắn hạn, khoán gọn công việc hoặc HĐLĐ dưới 3 tháng rồi cho nghỉ việc và lại tuyển mới lao động để tránh nộp BHXH cho số lao động này.

Trong quá trình hoạt động, các doanh nghiệp viện ra nhiều lý do để không báo cáo tình hình sử dụng, tăng, giảm lao động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Do vậy, các cơ quan chức năng và cơ quan BHXH gặp nhiều khó khăn trong việc thống kê lao động dẫn đến số lượng lao động tham gia BHXH thấp hơn số lao động thực tế tại doanh nghiệp.

2.3.2. Quản lý tiền công, tiền lương đóng bảo hiểm xã hội

Tiền lương, tiền công trả cho NLĐ là trách nhiệm của người SDLĐ. Đối với công chức, viên chức làm việc trong khu vực nhà nước (bao gồm: đơn vị HS, Đảng, Đoàn thể và các DNNN) do Nhà nước trả lương; NLĐ làm việc ở các DNNQD và DNVĐTNN do người SDLĐ quy định ghi trên HĐLĐ, là cơ sở pháp lý để tính mức nộp BHXH cho NLĐ.

**Bảng 2.5: Quỹ tiền lương, tiền công đóng BHXH trên đại bàn huyện Quế Sơn,
giai đoạn 2013 - 2017**

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Loại hình	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	DNNN	4.147.950	3.515.300	0	0	0
2	DNVĐTNN	2.942.010	4.265.290	4.745.380	12.429.090	45.339.730
3	DNNQD	12.227.960	16.540.780	24.253.430	36.284.230	46.655.890
4	Hợp tác xã	1.100.210	1.182.820	1.378.840	1.376.620	1.553.800
5	HCSN, Đảng, Đoàn thể	105.404.760	113.992.650	115.254.310	117.641.170	122.621.200
6	Xã, thị trấn	8.896.430	9.856.700	10.049.700	13.149.720	15.056.220
7	NCL	243.730	242.980	173.250	183.530	0
Tổng cộng		134.963.050	149.596.520	157.069.500	181.064.360	231.226.840

Nguồn: BHXH huyện Quế Sơn

Dựa vào bảng số liệu trên ta thấy, quỹ tiền lương, tiền công làm căn cứ đóng BHXH hằng năm tăng cao. Nếu như năm 2013, quỹ tiền lương, tiền công đóng BHXH trên địa bàn huyện là 134.963.050 ngàn đồng thì đến năm 2017 quỹ tiền lương, tiền công đóng BHXH lên đến 231.226.840 ngàn đồng. Như vậy, qua 5 năm quỹ tiền lương, tiền công đóng BHXH tăng lên đáng kể năm 2017 gấp 1,71 lần so với năm 2013. Trong đó, Khối DNNN và khối NCL do sắp xếp lại các đơn vị nên đã giảm lao động tham gia BHXH dẫn đến giảm quỹ tiền lương, tiền công tham gia BHXH. Khối DNNQD tăng gấp 3,82 lần, năm 2013 quỹ tiền lương, tiền công đóng BHXH là 12.227.960 ngàn đồng thì đến năm 2017 tổng quỹ lương đóng BHXH là 46.655.890 ngàn đồng; Khối Hợp tác xã tăng 1,39 lần, năm 2013 quỹ tiền lương, tiền công đóng BHXH là 1.100.210 ngàn đồng thì đến năm 2017 là 1.553.800 ngàn đồng; Khối HCSN, Đảng, Đoàn thể tăng 1,16 lần, năm 2013 quỹ tiền lương, tiền công đóng BHXH là 105.404.760 ngàn đồng thì đến năm 2017 là 122.621.200 ngàn đồng; Khối xã, thị trấn tăng 1,69 lần, năm 2013 quỹ tiền lương, tiền công đóng BHXH là 8.896.430 ngàn đồng thì đến năm 2017 là 15.056.220 ngàn đồng và đặt biệt là Khối DNVĐTNN tăng gấp 15,41 lần, năm 2013 quỹ tiền lương, tiền công đóng BHXH là 2.942.010 ngàn đồng thì đến năm 2017 là 45.339.730 ngàn đồng.

Trong những năm qua, các văn bản quy định về mức tiền công, tiền lương đóng BHXH đã được Nhà nước ta ban hành rất nhiều. Tuy nhiên, nếu chỉ nhìn bên ngoài thì với các quy định đó có vẻ như rất chặt chẽ, đơn vị SDLĐ phải thực hiện nghiêm nhưng thực tế thì các đơn vị SDLĐ không chấp hành, nhất là các đơn vị DNNQD. Theo đó, giữa đơn vị SDLĐ và NLĐ đã thỏa thuận và chia nhỏ các hợp đồng thành các bản phụ lục. Tổng thu nhập của NLĐ vẫn không có gì thay đổi, chỉ có khác nhau là số thu nhập hàng tháng đó không thể hiện trong một hợp đồng mà nó nằm rải rác ở các bản phụ lục hợp đồng kèm theo. NLĐ hầu như ít hiểu hoặc cũng có hiểu nhưng không quan tâm đến cách làm này của các đơn vị SDLĐ.

Để giảm tiền đóng BHXH họ đã khai không đủ số lượng lao động thuộc diện tham gia BHXH và đăng ký mức lương đóng BHXH thấp hơn so với mức lương mà thực tế NLĐ nhận. Điều này dẫn đến tình trạng thất thu BHXH, làm mất đi mục đích bản chất của BHXH do mức nộp BHXH thấp thì mức chi trả trợ cấp BHXH

thấp dẫn đến NLD sẽ không nhận thức được ý nghĩa, vai trò của BHXH nên không tích cực tham gia cũng như không đòi hỏi chủ SDLĐ thực hiện quyền tham gia BHXH cho mình.

Kết quả trên cho thấy công tác quản lý quỹ lương của các doanh nghiệp còn nhiều bất cập. Nguyên nhân là do:

Các cán bộ thu còn bị động trong việc thống kê quỹ lương của doanh nghiệp, chủ yếu dựa trên tinh thần tự giác kê khai của các doanh nghiệp. Cán bộ thu căn cứ vào danh sách lao động và tổng quỹ lương đăng ký của từng đơn vị để thu BHXH đúng quy định.

Ý thức chấp hành Luật và chính sách BHXH ở các đơn vị SDLĐ, đặc biệt là khu vực DNNQD còn thấp, mang tính đối phó.

Tình hình kinh tế ngày càng khó khăn, cạnh tranh ngày một khốc liệt hơn, tạo nên sức ép về kinh tế, bắt buộc các DN phải tối thiểu hóa chi phí để giảm giá thành sản phẩm và tăng lợi nhuận

2.3.3. Quản lý tổ chức thu bảo hiểm xã hội

Theo phân cấp quản lý thu của cấp trên, BHXH huyện Quế Sơn hiện nay tổ chức thu BHXH cho các đơn vị trên địa bàn huyện Quế Sơn. Huyện tiến hành xác định những đối tượng hiện đang hoạt động trên địa bàn thuộc phạm vi mình quản lý. Các đơn vị tham gia đóng BHXH thuộc phân cấp quản lý của BHXH huyện được phân chia thành 7 loại hình. Các cán bộ BHXH theo sự phân công của lãnh đạo cơ quan BHXH đảm nhiệm công tác thu cho từng loại hình đơn vị, 7 loại hình đơn vị bao gồm:

- + Doanh nghiệp Nhà nước
- + Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
- + Doanh nghiệp ngoài quốc doanh
- + Hợp tác xã
- + Hành chính, sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể
- + Xã, thị trấn
- + Ngoài công lập

Bảng 2.6: Phân bổ cán bộ quản lý thu BHXH tính đến tháng 12/2017

Số TT	Loại hình	Số đơn vị (đơn vị)	Số cán bộ (người)
1	DNNN	0	1
2	DNVĐTNN	3	
3	DNNQD	69	
4	HCSN, Đảng, Đoàn thể	85	1
5	Xã, thị trấn	14	1
6	Hợp tác xã	12	
7	Ngoài công lập	0	
Tổng cộng		183	3

Nguồn: BHXH huyện Quế Sơn

Tính đến tháng 12/2017, BHXH huyện Quế Sơn chỉ có 03 viên chức phụ trách công tác thu cho 183 đơn vị trên địa bàn huyện. Vậy, bình quân 01 cán bộ thu phải quản lý hơn 61 đơn vị. Trong đó, loại hình HCSN, Đảng, Đoàn thể có số lượng đơn vị lớn nhất (85 đơn vị), với tổng số phải thu là 31.253,31 triệu đồng nhưng chỉ có 01 viên chức đảm nhiệm quản lý. Loại hình này có số thu khá ổn định trong khi các loại hình doanh nghiệp còn lại đặc biệt là loại hình DNNQD đều có tình hình lao động và tiền lương phức tạp. Thêm vào đó, có những doanh nghiệp luôn cố tình lợi dụng kẽ hở để lách luật như kê khai không đúng tiền lương, tiền công thực tế cho NLD, kê khai không đủ số lượng NLD tham gia BHXH, chậm đóng, nợ tiền BHXH. Khối lượng công việc lớn, phức tạp trong khi lực lượng cán bộ quản lý còn quá mỏng, tạo áp lực, khó khăn cho các cán bộ thu tại huyện Quế Sơn. Chính vì thế, bên cạnh việc trau dồi nắm vững nghiệp vụ thông qua các khóa tập huấn nghiệp vụ cho các cán bộ thu, cần tăng cường thêm nhiều cán bộ vững chuyên môn để theo dõi chặt chẽ, sát sao hơn nữa đối với các đơn vị trên địa bàn huyện.

2.3.4. Quản lý công tác thanh tra, kiểm tra và tình hình nợ đọng BHXH

Công tác kiểm tra được thực hiện thường xuyên nhằm xác định xem quá trình quản lý đối tượng tham gia, quản lý quỹ tiền lương, tiền công của các đơn vị và quản lý tiền thu BHXH có được thực hiện đúng quy định hay không. Công tác thanh tra, kiểm tra được tiến hành do quan BHXH triển khai đối với đơn vị SDLĐ theo định kỳ hoặc đột xuất.

Trong những năm qua, công tác kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện thu BHXH trên địa bàn huyện Quế Sơn đã từng bước đi vào nề nếp. Từ năm 2013 đến 2017, BHXH huyện đã tổ chức và phối hợp với các ban ngành liên quan tiến hành 63 cuộc kiểm tra. Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra đã phát hiện và xử lý nhiều trường hợp vi phạm luật BHXH, chủ yếu là việc kê khai không đầy đủ số lao động thuộc diện tham gia BHXH, kê khai mức lương đóng BHXH thấp hơn mức lương thực tế, ký hợp đồng nhiều lần dưới 3 tháng để né tránh việc đóng BHXH cho người lao động.

Bảng 2.7: Tình hình kiểm tra đóng BHXH của BHXH huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2013-2017

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Kiểm tra định kỳ(cuộc)	4	5	5	6	8
Kiểm tra đột xuất(cuộc)	3	4	4	4	4
Kiểm tra liên ngành(cuộc)	3	2	3	4	4
Tổng cộng	10	11	12	14	16

Nguồn: BHXH huyện Quế Sơn

Qua bảng số liệu trên ta thấy rằng số lần các cuộc kiểm tra tăng qua 5 năm, năm sau luôn cao hơn năm trước. Điều này cho thấy BHXH huyện Quế Sơn ngày càng chú trọng đến công tác kiểm tra hoạt động thu BHXH của các đơn vị trên địa bàn huyện.

Căn cứ vào chương trình kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt, giám đốc BHXH huyện ra quyết định kiểm tra các đơn vị SDLĐ trên địa bàn. BHXH huyện đã phối hợp với Liên đoàn Lao động huyện và Phòng Lao động – Thương binh & xã hội, tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định thành lập đoàn để tiến hành các cuộc kiểm tra liên ngành, kiểm tra đột xuất các đơn vị có biểu hiện vi phạm luật BHXH. Nhìn chung, công tác thanh tra, kiểm tra tiến hành khá thường xuyên nhưng còn mang tính hình thức, chưa thực hiện mạnh tay trong vấn đề xử phạt. Vì vậy, tính răn đe đối với những đơn vị SDLĐ chây ỳ đóng BHXH còn hạn chế. Kết quả là tình trạng nợ đọng vẫn diễn ra, số đơn vị SDLĐ nợ và nợ tồn đọng vẫn còn cao.

** Tình hình nợ BHXH*

Bảng 2.8: Tình hình nợ BHXH bắt buộc tại BHXH huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2013 - 2017

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
		Số nợ	Tỷ lệ(%)	Số nợ	Tỷ lệ(%)	Số nợ	Tỷ lệ(%)	Số nợ	Tỷ lệ(%)	Số nợ	Tỷ lệ(%)
1	DNNN	13.400	1,38	60.100	5,5	0	0	0	0	0	0
2	DNVĐTNN	0	0	0	0	0	0	382.680	16,48	0	0
3	DNNQD	716.350	73,39	808.930	74,08	1.429.040	85,41	1.715.970	73,91	1.620.680	91,72
4	Hợp tác xã	56.560	5,79	59.750	5,47	52.810	3,16	51.610	2,22	54.440	3,08
5	HCSN, Đảng, Đoàn thể	154.150	15,79	123.900	11,35	166.740	9,97	137.820	5,94	63.060	3,57
6	Xã, thị trấn	35.590	3,65	39.300	3,6	24.490	1,46	30.650	1,32	28.860	1,63
7	NCL	0	0	0	0	0		2.970	0,13	0	0
Tổng cộng		976.050	100	1.091.980	100	1.673.080	100	2.321.700	100	1.767.040	100

Nguồn: BHXH huyện Quế Sơn

Qua bảng số liệu trên ta thấy được rằng: số nợ đọng BHXH bắt buộc đều tăng qua các năm. Từ năm 2013, số nợ là 976.050 ngàn đồng thì đến năm 2017 số nợ đã lên đến 1.767.040 ngàn đồng, tăng 1,81 lần qua 5 năm.

Khối HCSN, Đảng, đoàn thể và khối xã, thị trấn chiếm tỷ lệ nợ nhỏ nhất trong tổng số nợ so với các loại hình khác. Số nợ BHXH của khối HCSN, Đảng, đoàn thể trong năm 2013, là 154.130 ngàn đồng, chiếm 15,79% tổng số nợ nhưng đến năm 2017, số nợ này giảm xuống còn 63.060 ngàn đồng chiếm 3,57% trong tổng số nợ; Đối với khối xã, thị trấn, tổng số nợ đọng BHXH bắt buộc của năm 2013 là 35.590 ngàn đồng chiếm 3,65% tổng số nợ BHXH và đến năm 2017 số nợ của loại hình này còn 28.860 ngàn đồng, chiếm 1,63%. Các đơn vị thuộc loại hình này được hưởng lương từ ngân sách nhà nước nên ít để xảy ra tình trạng nợ đọng kéo dài.

Khối DNVĐTNN đều thực hiện khá nghiêm túc và đúng quy định về đóng tiền BHXH, qua 5 năm khối này thường không có phát sinh nợ đọng.

Khối DNNQD chiếm tỷ lệ nợ lớn nhất trong tổng số nợ hàng năm. Từ năm 2013, loại hình doanh nghiệp này có số nợ là 716.350 ngàn đồng, chiếm tỷ trọng là 73,39% tổng số nợ và đến năm 2017 số nợ lên tới 1.620.680 ngàn đồng, chiếm 91,72% tổng số nợ. Như vậy, có thể nói việc nợ đọng BHXH đang diễn ra chủ yếu ở khối DNNQD. Vì đây là khối có nhiều loại hình công ty sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng lao động phức tạp.

**Bảng 2.9. Tình hình nợ đọng BHXH của các DNNQD tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam,
giai đoạn 2013 - 2017**

Số TT	Nhóm ngành nghề	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
		Số tiền nợ (1.000đ)	Tỷ lệ(%)	Số tiền nợ (1.000đ)	Tỷ lệ(%)	Số tiền nợ (1.000đ)	Tỷ lệ(%)	Số tiền nợ (1.000đ)	Tỷ lệ(%)	Số tiền nợ (1.000đ)	Tỷ lệ(%)
1	Xây dựng	158.830	22,17	303.780	37,55	215.940	15,11	354.270	20,65	522.200	32,22
2	TM-DV	102.860	14,36	150.720	18,63	163.140	11,42	226.160	13,18	193.310	11,93
3	SX-CB	454.660	63,47	354.430	43,82	1.049.960	73,47	1.135.540	66,17	905.170	55,85
Tổng cộng		716.350	100	808.930	100	1.429.040	100	1.715.970	100	1.620.680	100

Nguồn: BHXH huyện Quế Sơn

Qua bảng 2.9, ta thấy các DNNQD hoạt động trong ngành SX-CB có số tiền nợ đọng lớn nhất so với các ngành nghề khác. Từ năm 2013 số nợ của ngành này là 454.660 ngàn đồng thì đến năm 2017 số nợ đọng đã lên tới 905.170 ngàn đồng chiếm 55,85% tổng số nợ. Nguyên nhân của thực trạng này là do các doanh nghiệp trong ngành SX-CB chịu áp lực lớn như thiếu vốn, giá vật tư đầu vào tăng cao qua các năm, tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động, vấn đề xuất khẩu gặp nhiều khó khăn nhất là trong ngành may mặc và giấy da, sản phẩm làm ra khó tiêu thụ.

Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cũng chiếm tỷ lệ nợ khá cao. Từ năm 2013 số nợ của ngành này là 158.830 ngàn đồng thì đến năm 2017 số nợ là 522.200 ngàn đồng chiếm 32,22% so với tổng số nợ.

Số tiền nợ đọng BHXH bắt buộc của ngành TM-DV là thấp hơn so với các ngành nghề khác tuy nhiên vẫn còn ở mức cao. Từ năm 2013, số nợ là 102.860 ngàn đồng thì đến năm 2017 con số này là 193.310 ngàn đồng, chiếm 11,93 % tổng số nợ.

Phân tích nguyên nhân làm gia tăng tình trạng nợ đọng BHXH là do cơ chế chính sách như chế tài xử lý vi phạm còn nhiều bất cập (mức xử phạt thấp, thủ tục xử phạt phức tạp, vấn đề khởi kiện các đơn vị nợ hiện nay đã chuyển cho Liên đoàn Lao động huyện); Bên cạnh đó còn do tình hình kinh tế xã hội thời gian qua gặp nhiều khó khăn, tốc độ tăng trưởng chậm, sản xuất đình đốn,...; mặt khác còn do nguyên nhân chủ quan từ phía chủ SDLĐ và NLĐ. Nhận thức về trách nhiệm tham gia BHXH, BHYT của người SDLĐ còn hạn chế nhất là khu vực ngoài nhà nước; việc ký kết HĐLĐ chưa được thực hiện đầy đủ, theo mùa vụ để trốn đóng BHXH; tiền lương, tiền công ghi trong hợp đồng thấp hơn mức thực trả.

2.4. Đánh giá thực trạng công tác quản lý thu của huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam

2.4.1. Những kết quả đạt được

Công tác quản lý thu BHXH bắt buộc đã phần nào nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các ngành, các cấp, đơn vị SDLĐ đặc biệt là khối DNNQD trong công tác thực hiện chính sách BHXH. Hiệu quả của công tác này được thể hiện qua tổng số người tham gia BHXH, tổng số đơn vị SDLĐ cũng như tổng số thu BHXH

không ngừng tăng lên qua các năm.

Quy trình quản lý thu và kết quả thu BHXH bắt buộc đã ngày càng đạt kết quả cao, công tác quản lý thu BHXH bắt buộc cũng dần đi vào ổn định. Đến nay, trên địa bàn huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam đã có 183 cơ quan, đơn vị, với 5.139 lao động tham gia BHXH bắt buộc. Số thu BHXH bắt buộc năm 2017 là 60.330.480 ngàn đồng. Phần lớn các cơ quan, đơn vị tự giác chấp hành quy định đối chiếu và thu nộp tiền BHXH ngay sau kỳ trả lương và thanh toán kịp thời các chế độ cho NLĐ.

BHXH huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam đã thực hiện cơ chế “một cửa” và triển khai giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH, BHYT trong quản lý và thực hiện chính sách BHXH, giảm bớt những thủ tục rườm rà khi người SDLĐ làm hồ sơ tham gia BHXH cho NLĐ. Thực hiện công tác hành chính công trong việc giao dịch hồ sơ với các đơn vị SDLĐ trên địa bàn huyện, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các đơn vị trong quá trình giao dịch với cơ quan BHXH.

Trong nội bộ ngành, từ Chi bộ Đảng, Ban Giám đốc cho đến Ban chấp hành Công đoàn đều có văn bản chỉ đạo và tạo điều kiện, huy động toàn lực phục vụ công tác thu chủ động triển khai đôn đốc thu, thường xuyên rà soát, phân loại các đơn vị nợ, nợ đọng để đôn đốc, đồng thời, lãnh đạo BHXH huyện trực tiếp đến làm việc với các đơn vị, nhất là những đơn vị có số nợ lớn, nợ đọng kéo dài. Bên cạnh đó, công tác quản lý thu cũng thường xuyên có sự giám sát, phối hợp giữa các ban ngành liên quan trên địa bàn huyện trong quản lý các đơn vị, tổ chức SDLĐ và NLĐ, hạn chế phần nào tình trạng trốn đóng, nợ đọng BHXH làm cho hoạt động thu dần đi vào ổn định và phát triển.

2.4.2. Những hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đã đạt được ở trên thì công tác quản lý thu BHXH bắt buộc hiện nay trên địa bàn huyện Quế Sơn vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần hướng giải quyết đó là:

Công tác quản lý thu BHXH tại địa bàn huyện đang gặp nhiều khó khăn, thách thức. Tình trạng lách luật, trốn đóng, nợ đọng BHXH bắt buộc đặc biệt là khối DNNQD diễn ra khá phổ biến. Do đó, việc quản lý đối tượng tham gia và tiền

lương, tiền công làm căn cứ đóng BHXH là rất phức tạp. Nhất là trong tình hình hiện nay nhiều DN để đảm bảo lợi ích trước mắt cố tình khai báo thông tin lệch lạc, sai sự thật.

Việc phát triển đối tượng tham gia BHXH thuộc diện bắt buộc còn nhiều bất cập, chưa tương xứng với tiềm năng hiện có về nguồn lao động của huyện, nhất là đối với khối DNNQD. Nhiều DN thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc nhưng chưa thực hiện đăng ký đóng BHXH cho NLĐ theo đúng quy định trong khi đó BHXH huyện không nắm được. Một số khác thì thiếu thông tin về chính sách BHXH.

Số đơn vị và NLĐ tham gia BHXH trên địa bàn huyện tăng nhanh qua các năm, trong khi đó điều kiện cơ sở vật chất và biên chế gần như không tăng; điều này tạo ra một áp lực rất lớn trong công việc của BHXH huyện. Việc phân công cán bộ thu còn chưa hợp lý, số cán bộ phụ trách thu còn ít so với yêu cầu công việc, tác phong làm việc còn mang nặng tính chất hành chính.

Các doanh nghiệp tư nhân phát triển mạnh nhưng nhỏ về quy mô và thiếu ổn định. Nhiều hộ cá thể thành lập và hoạt động trên mối quan hệ gia đình không ký HĐLĐ, không đăng ký SDLĐ; tình trạng mượn tên, thuê trụ sở tạm thời để đứng tên thành lập công ty... nên nhiều đơn vị trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ đóng BHXH. Địa bàn huyện rộng, doanh nghiệp đông, lực lượng lao động lớn và lao động thực tế luôn biến động, nhất là ở các ngành dệt may, da giày, xây dựng không được ký kết HĐLĐ, khó nắm bắt kịp thời... tác động không ít đến quá trình quản lý thu BHXH.

Nguyên nhân của những hạn chế

Có thực trạng trên, trước hết là phải đề cập đến một số nguyên nhân dưới đây:

Do nhận thức về chính sách BHXH của NLĐ và người SDLĐ chưa cao. Người SDLĐ luôn chỉ quan tâm đến mục tiêu lớn nhất là lợi nhuận. Việc đóng BHXH cho NLĐ sẽ ảnh hưởng đến nguồn chi phí của doanh nghiệp. Mặt khác, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng biến động liên tục, khó kiểm soát, doanh thu và lợi nhuận thu được lúc thấp, lúc cao. Để đảm bảo lợi ích của mình, họ sẵn sàng tìm mọi cách tối đa hoá lợi nhuận, tối thiểu hoá chi phí, cố ý gây khó khăn, cản trở công tác

quản lý thu của BHXH. Nhiều doanh nghiệp tìm mọi cách né tránh trách nhiệm tham gia BHXH cho NLĐ nhằm chiếm dụng vốn để kinh doanh hoặc sử dụng vào mục đích khác. Phần đông các doanh nghiệp chỉ lo lợi ích trước mắt, hoặc do hạn chế thông tin, chưa thấy hết quyền lợi và trách nhiệm của mình đối với người lao động;

Các chế tài pháp luật chưa đủ mạnh để răn đe các doanh nghiệp. Chế tài mạnh nhất để xử lý các đơn vị nợ đọng BHXH của ngành BHXH là công tác khởi kiện ra tòa, tuy nhiên công tác này hiện nay đã chuyển cho Liên đoàn lao động cấp huyện thụ lý, từ đó gây khó khăn cho công tác thực hiện quản lý thu của ngành BHXH.

Ngoài ra, tình trạng đóng BHXH cho NLĐ ở các doanh nghiệp còn quá thấp so với thu nhập thực tế của họ. Hầu hết các doanh nghiệp chỉ đóng BHXH cho NLĐ theo mức lương cơ bản trong HĐLĐ.

Trong các đơn vị ngoài quốc doanh, hoạt động của tổ chức công đoàn chưa thật sự hiệu quả, chưa đủ khả năng đại diện, nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng cho NLĐ, mặt khác do nhu cầu việc làm và thu nhập, nhiều NLĐ không dám đấu tranh với chủ doanh nghiệp về quyền được hưởng chế độ BHXH.

Cán bộ trực tiếp quản lý thu chưa thường xuyên đến với cơ sở để thu thập, nắm bắt tình hình hoạt động của đơn vị, tình hình biến động về lao động, tiền lương,... Tác phong làm việc của một bộ phận cán bộ còn mang tính hành chính, thiếu tính phục vụ; trình độ chuyên môn chưa thật sự đáp ứng yêu cầu đổi mới của ngành. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào lĩnh vực quản lý thu BHXH chưa nhiều, dẫn đến xử lý thông tin, số liệu chậm, nhầm lẫn, sai sót, ảnh hưởng đến việc chỉ đạo kịp thời công tác thu,...

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU BẢO HIỂM XÃ HỘI TẠI HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

3.1. Mục tiêu, định hướng về phát triển công tác thu bảo hiểm xã hội của huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam trong thời gian đến

3.1.1. Mục tiêu chung của ngành Bảo hiểm xã hội

Phấn đấu đến năm 2025 có khoảng 45% lực lượng lao động tham gia BHXH; 35% lực lượng lao động tham gia BHTN và trên 95% dân số tham gia BHYT.

Quản lý, sử dụng đúng quy định và có hiệu quả quỹ BHXH, quỹ BHYT nhằm bảo đảm quỹ BHXH cân đối trong dài hạn, quỹ BHYT cân đối hàng năm.

Tiêu chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ và quản lý đối tượng, đảm bảo việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan trong toàn ngành; mỗi công dân tham gia BHXH, BHYT được cấp một số định danh và thống nhất với số định danh công dân do Nhà nước quy định để phục vụ và quản lý quá trình thu, giải quyết chính sách, chi trả các chế độ BHXH, BHTN, BHYT một cách chính xác và thuận tiện.

Kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam, nâng cao năng lực quản lý và thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để tổ chức thực hiện, góp phần đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững của chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin (mạng máy tính, máy chủ, máy trạm, an ninh mạng, trung tâm dữ liệu ngành và hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu, dịch vụ công trực tuyến trên mạng Internet) để giải quyết các chính sách, chế độ BHXH, BHYT. Chậm nhất đến năm 2020 liên thông, kết nối thông tin được giữa các cơ quan thuộc ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế thuộc ngành y tế và các đơn vị tổ chức thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm thất nghiệp thuộc ngành lao động.

Xây dựng hệ thống trụ sở làm việc khang trang, hiện đại, thuận lợi cho giao dịch và phục vụ; đảm bảo yêu cầu về quy mô và công năng sử dụng lâu dài.

3.1.2. Định hướng phát triển công tác bảo hiểm xã hội trên địa bàn huyện Quế Sơn đến năm 2025

Nằm trong hệ thống BHXH Việt Nam, sự kết hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện trong những năm tiếp theo, định hướng phát triển BHXH trên địa bàn huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam như sau:

Một là, khai thác, phát triển đối tượng tham gia BHXH tiến đến quản lý được tất cả các đối tượng thuộc diện tham gia BHXH, trên cơ sở đó hạn chế tối đa các đơn vị nợ đọng. Phân đấu đến năm 2025 có khoản 35% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia BHXH.

Hai là, chuyển đổi tác phong làm việc từ hành chính sang phục vụ ngày càng tốt hơn đối với đối tượng tham gia và thụ hưởng chính sách BHXH.

Ba là, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ viên chức thực hiện nhiệm vụ.

Bốn là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền tốt chính sách BHXH đến NLD và các đơn vị SDLĐ.

Năm là, tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực BHXH, BHYT; tiến đến 100% các đơn vị SDLĐ thực hiện giao dịch điện tử và chuyển phát giao nhận hồ sơ qua việc thực hiện hành chính công.

3.2. Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu bảo hiểm xã hội tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam

3.2.1. Giải pháp về hoàn thiện bộ máy quản lý công tác thu

Bước vào thời kỳ phát triển mới, nhiệm vụ đặt ra cho BHXH huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam hết sức nặng nề, khối lượng công việc ngày càng lớn và tăng nhanh, thời cơ và thách thức đang ở phía trước, đòi hỏi BHXH huyện phải có nhiều giải pháp cơ bản về công tác tổ chức, bộ máy và cán bộ. Đặc biệt, trong thời kỳ khoa học - kỹ thuật phát triển như hiện nay thì yêu cầu người cán bộ làm công tác thu và quản lý thu không chỉ nắm vững chuyên môn về BHXH mà còn cần cả trình độ tin học, ngoại ngữ, khả năng nắm bắt được những biến động bên ngoài.

Mặt khác, cơ cấu tổ chức BHXH huyện còn hạn chế về mặt trình độ. Số lượng cán bộ làm công tác thu còn ít. Trước yêu cầu đổi mới công tác quản lý thu

BHXXH, trước những phức tạp của tình hình lao động thì việc củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hệ thống BHXXH huyện nói chung và bộ phận chuyên trách quản lý thu nói riêng là hết sức cần thiết. Vì vậy cần phân công số lượng cán bộ phù hợp với lượng công việc và yêu cầu trình độ đó để đảm bảo cho công tác quản lý thu được tiến hành nhanh gọn, chính xác, đạt hiệu quả cao.

Hàng năm, BHXXH huyện cần có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ một cách hợp lý, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, trình độ quản lý cho các cán bộ làm công tác thu. Sắp xếp bộ máy theo hướng chuyên sâu, phân chia, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cán bộ để tạo sự năng động, chủ động khi thực hiện nhiệm vụ, tránh hành chính quan liêu. Xây dựng đội ngũ cán bộ vững vàng về chính trị, nắm chắc về chuyên môn, có lòng yêu nghề, có ý thức tìm tòi, học hỏi, tinh thần trách nhiệm cao.

Ngoài ra, nên tăng cường chính sách khuyến khích đối với cán bộ đạt kết quả cao trong công tác thực hiện chính sách BHXXH thông qua biện pháp kinh tế và có sự khen thưởng kịp thời. Thường xuyên tổng kết, đánh giá những mặt đã đạt được, những yếu kém còn tồn tại để có phương hướng, biện pháp khắc phục triệt để những hạn chế đó, các cán bộ trong cơ quan luôn trau dồi kinh nghiệm quản lý với nhau... Xây dựng tinh thần đoàn kết, học hỏi kinh nghiệm giữa các cán bộ trong đơn vị với nhau thông qua các buổi giao lưu, tổng kết, sinh hoạt,... nhằm tạo nên một đội ngũ cán bộ vững mạnh về mọi mặt.

Nhìn chung nếu cơ cấu tổ chức thu BHXXH được kiện toàn, hoàn thiện hơn, góp phần khắc phục những yếu kém trong bộ máy quản lý của BHXXH huyện, làm giảm khoảng cách giữa cơ quan BHXXH đối với đối tượng tham gia, tránh tâm lý ngần ngại, khó chịu của các chủ SDLĐ khi đến cơ quan BHXXH thực hiện trách nhiệm của mình đối với NLĐ.

3.2.2. Giải pháp về quản lý đối tượng tham gia, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội

Tăng cường công tác quản lý đối tượng tham gia BHXXH được xem là giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu BHXXH, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các đối tượng. Vì trên địa bàn huyện hiện nay vẫn còn

một lượng lớn lao động thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc nhưng chưa đăng kí tham gia, công tác quản lý đối tượng tham gia còn lỏng lẻo, hiệu quả mang lại chưa cao. Đặc biệt trong thời gian tới, số lượng NLD thuộc diện phải tham gia BHXH bắt buộc sẽ tăng lên đáng kể, đòi hỏi phải có sự quản lý chặt chẽ, thường xuyên, liên tục.

Đây được xem là mục tiêu chiến lược, cơ bản, cả trước mắt và về lâu dài nên BHXH huyện cần phải đề ra những biện pháp cụ thể, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của huyện, cụ thể:

Quản lý chặt chẽ NLD và người SDLĐ

Thực hiện báo tăng, giảm kịp thời, chính xác, quản lý chặt chẽ mọi nguồn thu. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, bám sát các đơn vị SDLĐ và NLD thuộc các khối ngành kinh tế khác nhau trên địa bàn, chịu trách nhiệm quản lý, đặc biệt là khu vực ngoài quốc doanh để tham mưu với UBND huyện kịp thời triển khai việc tham gia BHXH cho các đối tượng thuộc diện phải tham gia, hạn chế và tiến đến chấm dứt tình trạng né tránh tham gia BHXH của các đơn vị SDLĐ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của NLD.

Thực hiện hiệu quả sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành liên quan như: Phòng Kinh tế - hạ tầng, Cơ quan Thuế, Phòng Lao động Thương binh & Xã hội; Phòng tài chính – kế hoạch của huyện để nắm đầy đủ số lượng đơn vị SDLĐ và số lao động trên địa bàn, phát hiện những đơn vị khai báo thiếu số lao động thực tế tại đơn vị hoặc chưa khai báo đăng ký tham gia để đưa vào diện đóng BHXH bắt buộc.

Phát triển đối tượng tham gia BHXH

Đây là giải pháp có tính chất sống còn đối với hoạt động BHXH, mục đích của BHXH là bảo đảm đời sống cho NLD nói riêng nhưng mục đích lớn nhất là giải quyết tốt các vấn đề mà xã hội đặt ra.

Như vậy, phát triển đối tượng tham gia BHXH là một biện pháp hữu hiệu đảm bảo được nguồn thu để chi trả để chi trả cho những người hưởng lương hưu do quỹ BHXH đảm bảo và các đối tượng khác. Vấn đề ở đây là phát triển thế nào, trên cơ sở nào, có tiêu chí gì không, kinh nghiệm thực tế thế nào, hoặc có thể phát triển

đối tượng bằng mọi giá, mọi lúc, mọi nơi hay không.

Rà soát lại hoạt động sản xuất kinh doanh, phân loại kết quả hoạt động của từng doanh nghiệp để có biện pháp xử lý trong công tác BHXH. Có những doanh nghiệp đăng ký giấy phép xong nhưng không có trụ sở giao dịch, thành lập xong nhưng không hoạt động hoặc hoạt động một thời gian ngắn rồi giải thể nên không có cơ sở để cơ quan BHXH thực hiện thu BHXH. Ngoài ra còn có một số trường hợp doanh nghiệp đã nộp BHXH, đối chiếu công nợ tiền BHXH với cơ quan BHXH sau một thời gian ngắn nay giải thể, phá sản, dừng hoạt động,...không còn chủ sở hữu hoặc chưa có biện pháp để giải quyết số nợ này.

Đối với những doanh nghiệp còn hoạt động, có thuê mướn, HĐLĐ, yêu cầu phải đăng ký tham gia BHXH cho NLĐ. Nếu từ chối tham gia BHXH, cơ quan BHXH lập hồ sơ kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý hành chính, ngoài số tiền phạt do không đăng ký đóng BHXH tính trên đầu người, có thể thu hồi Giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc lập hồ sơ khởi kiện ra Tòa án.

Những doanh nghiệp không hoạt động, đề xuất thu hồi Giấy phép đăng ký kinh doanh, cơ quan BHXH xóa tên trong danh sách đơn vị phải thu BHXH theo luật định để tránh tình trạng nợ ảo.

3.2.3. Giải pháp về công tác thanh tra, kiểm tra, khắc phục tình hình nợ đọng và trốn đóng BHXH

Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các chế độ BHXH nói chung, quản lý thu BHXH bắt buộc nói riêng có vị trí hết sức quan trọng nhằm đảm bảo cho việc thu nộp BHXH đúng, đủ, kịp thời. Không có thanh tra, kiểm tra thì không thực hiện đúng chức năng quản lý về BHXH.

Thanh tra về BHXH là biện pháp mà các cơ quan quản lý nhà nước sử dụng để kiểm tra việc thực hiện chính sách, chế độ BHXH, thực hiện xử lý hành chính và phạt tiền đối với người SDLĐ, nếu có những vi phạm về BHXH (hiện nay theo quy định thẩm quyền xử lý là: Thanh tra chuyên ngành Lao động Thương binh & Xã hội; Giám đốc BHXH tỉnh, Chủ tịch UBND cấp tỉnh và huyện). Còn kiểm tra là biện pháp mà cơ quan có thẩm quyền sử dụng để kiểm tra, chấn chỉnh các khâu trong quản lý BHXH nói chung, quản lý thu nộp BHXH bắt buộc nói riêng đảm bảo

theo đúng các quy định; kiểm tra không có quyền xử lý vi phạm hành chính và phạt tiền như Thanh tra, mà chỉ kiến nghị xử lý khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm về BHXH (đó là kiểm tra của cơ quan BHXH). Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện thu nộp BHXH tức là đề cập đến vấn đề về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia BHXH thông qua việc chấp hành các quy định về BHXH.

Bên cạnh những giải pháp về hoàn thiện bộ máy, quản lý đối tượng, cần phải tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện, một mặt biểu dương người tốt, việc tốt, đồng thời phát hiện sai lệch để có biện pháp xử lý hoặc áp dụng những hình thức xử lý để răn đe, không tái phạm những lần sau. Đây là công việc thường xuyên, vì thực trạng hiện nay nhiều đơn vị SDLĐ, ngoài việc trốn tránh nghĩa vụ tham gia, lại chậm nộp BHXH đã làm ảnh hưởng tới việc đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng của NLĐ.

Hiện nay trên địa bàn huyện còn nhiều doanh nghiệp vi phạm pháp luật BHXH, phổ biến như tình trạng trốn đóng BHXH, nợ tiền BHXH với số tiền lớn, thời gian kéo dài, chiếm dụng tiền đóng BHXH của NLĐ,... đã đẩy hàng ngàn lao động trong các đơn vị chưa được tham gia BHXH đã khó khăn lại càng khó khăn thêm, nhất là trong quá trình lao động không may bị ốm đau, tai nạn, mất việc làm không được hưởng các chế độ của nhà nước. Thực chất doanh nghiệp đã chiếm dụng tiền đóng BHXH của NLĐ để sử dụng vào mục đích khác, xâm hại trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của NLĐ; tạo thói quen xấu với hành vi chiếm dụng quỹ BHXH; là mối quan tâm, bức xúc của dư luận xã hội và là nguyên nhân xảy ra các tranh chấp, khiếu kiện và tiềm ẩn nguy cơ bất ổn về xã hội.

Trước thực trạng đó, công tác thanh tra, kiểm tra cần được thực hiện một cách quyết liệt hơn, hiệu quả hơn để chấn chỉnh kịp thời tình trạng vi phạm pháp luật về BHXH hiện nay. Để làm được điều đó, cơ quan BHXH cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, thường xuyên báo cáo cấp uỷ, chính quyền địa phương xin ý kiến chỉ đạo, tăng cường phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng như Lao động - Thương binh & Xã hội, Thanh tra nhà nước, Liên đoàn Lao động, Công an huyện,... thành lập các Đoàn thanh tra liên ngành để đẩy mạnh công tác thanh tra,

xử phạt những đơn vị vi phạm pháp luật về BHXH, đặc biệt là các đơn vị trốn đóng, nợ BHXH lớn, dây dưa kéo dài.

Hai là, tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo các ngành chức năng thực hiện kiểm tra, rà soát đối với tất cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã được cấp Giấy phép hoạt động nhưng không hoạt động, hoặc hoạt động trá hình, hoặc không ký hợp đồng lao động, hoặc có ký HĐLĐ nhưng không đăng ký tham gia BHXH, xâm hại đến quyền lợi chính đáng của NLĐ phải được xử lý và thu hồi Giấy phép hoạt động.

Ba là, Phối hợp với Toà án nhân dân, Liên đoàn lao động huyện ký kết Chương trình phối hợp việc khởi kiện và giải quyết các vụ án khởi kiện nợ đọng tiền BHXH của các doanh nghiệp; đồng thời nhanh chóng hoàn thiện thủ hồ sơ để khởi kiện những doanh nghiệp nợ đọng BHXH lớn, kéo dài ra Toà án để có hình thức “răn đe” kịp thời.

Bốn là, gắn chặt chẽ công tác thu nộp BHXH với việc cấp sổ BHXH, cấp thẻ BHYT và thực hiện chế độ BHXH

Thu, cấp sổ BHXH, thẻ BHYT, giải quyết hưởng các chế độ BHXH là các khâu nghiệp vụ có quan hệ mật thiết, không tách rời nhau. Trong đó, khâu sau là hệ quả của khâu trước và khâu trước là cơ sở, làm điều kiện, tiền đề của khâu sau. Trong quản lý BHXH, thì đóng BHXH của NLĐ và người SDLĐ là các yếu tố đầu vào. Việc cấp sổ BHXH là để ghi nhận tiền đóng, thời gian đóng BHXH, làm cơ sở để giải quyết các chế độ BHXH. Đồng thời với cấp sổ BHXH là cấp thẻ BHYT làm cơ sở thanh toán các chi phí khám chữa bệnh cho NLĐ khi đi khám chữa bệnh. Giải quyết các chế độ, đảm bảo quyền lợi thụ hưởng BHXH của NLĐ gắn liền với quá trình đóng BHXH, đây là khâu cuối cùng, như là yếu tố đầu ra của quá trình tái sản xuất xã hội của từng NLĐ.

Phối hợp chặt chẽ, tuần tự theo đúng quy trình trên, là biện pháp ràng buộc để quản lý thu BHXH được đảm bảo theo đúng các quy định của Nhà nước. NLĐ có đóng BHXH thì được cấp sổ BHXH, thẻ BHYT, đóng đến đâu, mức đóng như thế nào thì được xác nhận trên sổ BHXH và thời hạn giá trị sử dụng trên thẻ BHYT tương ứng với thời gian đóng. Căn cứ vào sổ BHXH cơ quan BHXH thực hiện giải quyết các chế độ BHXH khi có phát sinh. Như vậy, NLĐ mặc dù hết tuổi lao động,

đã đóng đầy đủ BHXH, nhưng chủ SDLĐ còn nợ tiền đóng BHXH thì vẫn không được giải quyết các chế độ BHXH. Với những quy định như trên sẽ nâng cao vai trò trách nhiệm của người SDLĐ đối với NLĐ.

Năm là, cần có các quy định đồng bộ và đủ mạnh, đặc biệt hoàn thiện hệ thống luật pháp. Vì hiện nay, các doanh nghiệp nợ đọng BHXH có thể kéo dài triền miên, trong khi cùng khoản tiền như vậy, thậm chí chỉ bằng 1/10 đối với thuế đã bị khép vào tội trốn thuế. Bộ Luật hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015 có quy định về các tội danh liên quan đến gian lận, trốn đóng BHXH quy định tại Điều 214, 216. Tuy nhiên, khung hình phạt còn quá thấp, không đủ tính răn đe.

Sáu là, bên cạnh việc xử lý nghiêm các vi phạm, cần khen thưởng kịp thời những đơn vị SDLĐ làm tốt công tác đăng ký tham gia và thu nộp BHXH hàng năm. Khen thưởng phải được thực hiện khách quan, kịp thời, coi trọng cả vật chất và tinh thần, nếu không quán triệt đầy đủ nguyên tắc trên thì tác dụng giáo dục thông qua công tác khen thưởng không những bị hạn chế mà tạo sức ỳ lớn, vi phạm không giảm mà tái phạm có thể vẫn tăng. Vì, khi gắn kết chặt chẽ giữa xử lý các vi phạm với khen thưởng kịp thời, bản thân cách làm này đã giúp cơ quan quản lý hiểu hơn về doanh nghiệp, thông cảm khó khăn của doanh nghiệp.

3.2.4. Giải pháp về nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền thực hiện chính sách, pháp luật BHXH

Hiện nay, tỷ lệ NLĐ hiểu biết về BHXH còn rất hạn chế, đa số NLĐ chỉ biết chính sách BHXH thông qua việc trích đóng BHXH từ tiền lương của mình, chưa biết rõ các chế độ được hưởng như thế nào, mặt khác nhiều đơn SDLĐ chưa ý thức được đầy đủ trách nhiệm đóng BHXH cho NLĐ. Vì vậy, kết quả tham gia BHXH trong các DNNQD tại huyện Quế Sơn đạt thấp. Để chính sách BHXH đến được với NLĐ, có rất nhiều biện pháp, trong đó công tác tuyên truyền được xem là giải pháp quan trọng hàng đầu, cần được đẩy mạnh theo các hướng sau:

Xây dựng kế hoạch phối hợp thường xuyên với các cơ quan thông tin, truyền thông ở địa phương, Liên đoàn lao động huyện; phòng Văn hoá-Thông tin; phòng Lao động Thương binh & Xã hội, các tổ chức đoàn thể,... để phổ biến các chế độ chính sách về BHXH, đặc biệt triển khai thực hiện Luật BHXH sâu rộng trong các

tầng lớp nhân dân, trong các doanh nghiệp, nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về BHXH của NLĐ, người SDLĐ.

Lựa chọn những doanh nghiệp lớn, sử dụng nhiều lao động để tổ chức các buổi “Đối thoại trực tiếp với NLĐ” nhằm tuyên truyền, giải đáp những thắc mắc về chính sách BHXH trực tiếp cho NLĐ, từ đó trang bị thêm kiến thức về BHXH cho NLĐ, thông qua đó để tiếp tục tuyên truyền sâu rộng hơn về quyền và nghĩa vụ tham gia BHXH của NLĐ và người SDLĐ.

Trong công tác tuyên truyền thực hiện chính sách, pháp luật về BHXH, cần làm rõ mối quan hệ ba bên trong công tác thu BHXH (NLĐ, chủ SDLĐ và cơ quan BHXH). Đây là mối quan hệ cơ bản liên quan trực tiếp đến thu, nộp BHXH, thể hiện được đầy đủ quyền và trách nhiệm của các bên tham gia BHXH.

Như vậy, công tác tuyên truyền cần được đẩy mạnh hơn nữa trong thời gian đến. Đặc biệt, nâng cao hơn nữa vai trò của các cấp ủy đảng, chính quyền, làm chuyển biến cơ bản trong nhận thức của người SDLĐ, NLĐ từ trạng thái bắt buộc sang tự giác, mỗi bên thấy rõ trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ thực hiện tốt hơn quy định của pháp luật BHXH.

3.2.5. Giải pháp về cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thu BHXH

Bất kỳ một cơ quan, đơn vị nào đều bị chi phối bởi tâm lý làm việc thủ tục, hành chính rườm rà, một số cán bộ còn cố ý gây phiền hà, mất thời gian của người dân. Trong khi đó trình độ dân trí ngày một nâng cao, nhu cầu được tham gia vào hệ thống BHXH tăng lên đáng kể. Nếu cơ quan BHXH huyện vẫn giữ tác phong làm việc chậm chạp sẽ gây tâm lý khó chịu cho đối tượng đã, đang và sẽ tham gia. Để phục vụ cho các đối tượng tham gia, thụ hưởng chế độ BHXH ngày một tốt hơn, tạo sự tin tưởng cho đại bộ phận người dân thì cần phải đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thay đổi tác phong làm việc xơ cứng thông qua một số công việc cụ thể sau:

Từ những quy định chung của Luật BHXH, Nghị định, Thông tư, BHXH có thể xây dựng quy trình nghiệp vụ phù hợp với đặc điểm của cơ quan mình, làm cho hoạt động BHXH được trở lên dễ dàng, thuận tiện hơn.

Thực hiện tốt cơ chế “một cửa” theo tiến trình cải cách thủ tục hành chính

của Chính phủ, của Ngành BHXH, giảm bớt gánh nặng về thủ tục cho người tham gia, tránh tâm lý ngần ngại khi đến cơ quan BHXH giải quyết chế độ. Mặc dù, BHXH huyện đã tiến hành thực hiện chính sách “một cửa” từ cuối năm 2013 nhưng hiệu quả làm việc của bộ phận “một cửa” vẫn chưa cao. Đây là bộ phận tiếp xúc trực tiếp với người tham gia và tiếp nhận mọi giấy tờ liên quan đến chính sách BHXH nên cán bộ đảm nhiệm công tác này phải nắm chắc về chuyên môn nghiệp vụ, có tác phong làm việc nhanh nhẹn. Do đó, để nâng cao hiệu quả làm việc của bộ phận một cửa BHXH huyện cần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ở bộ phận này thông qua các lớp tập huấn, bổ túc chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác một cửa cũng như cán bộ toàn đơn vị.

Tăng cường đổi mới cơ sở vật chất theo hướng hiện đại hoá công sở, trang bị đầy đủ máy tính có kết nối mạng internet nhằm tăng hiệu quả quản lý thông tin, xử lý công việc, tính toán, giải quyết chế độ trên máy tính. Từ đó nâng cao hiệu quả trong công tác lưu trữ hồ sơ, thông tin, cách thức xử lý công việc hiệu quả, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian.

Để công tác quản lý thu BHXH trong thời gian tới đạt kết quả tốt hơn, cần tăng cường áp dụng và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, nhằm xử lý công việc và thông tin nhanh chóng, chính xác, giúp cho việc quản lý, lưu trữ dữ liệu được thuận tiện, giảm bớt những thao tác không cần thiết, tạo thời gian cho cán bộ đầu tư nhiều hơn vào nghiên cứu nghiệp vụ.

Việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý thu BHXH sẽ đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu của công tác quản lý. Đó là: quản lý toàn bộ NLD tham gia và đóng BHXH để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của họ về BHXH theo đúng luật; quản lý mức lương, phụ cấp và điều kiện làm việc của NLD để giải quyết các chế độ BHXH cho họ một cách chính xác, công bằng và hợp lý. Việc nghiên cứu áp dụng CNTT vào quản lý hoạt động BHXH nói chung, thu BHXH nói riêng còn là điều kiện quan trọng để ngành BHXH đẩy mạnh cải cách hành chính trong các hoạt động của ngành, nhằm đảm bảo yêu cầu ngày càng nhiều người mong muốn và được tham gia vào hệ thống BHXH.

3.2.6. Giải pháp về hoàn thiện quy trình thu bảo hiểm xã hội

Để thực hiện tốt công tác quản lý thu BHXH thì phải thực hiện tốt tất cả các mặt, từ việc quản lý đối tượng tham gia, nắm được số đơn vị đóng trên địa bàn, số lao động, quỹ tiền lương, tiền công của các đơn vị và theo dõi sát sao những biến động của các đơn vị, để thực hiện các việc này được tốt thì phải hoàn thiện quy trình quản lý thu sao cho phù hợp.

Quy trình quản lý thu được thực hiện ở ba khâu: Khâu đăng ký, khâu thực hiện và khâu kiểm tra, xác nhận. Ba khâu này đều do cơ quan BHXH và đơn vị SDLĐ đảm nhận nhưng kết quả thu được vẫn còn hạn chế, tình trạng khai giảm, khai thiếu số lao động, quỹ tiền lương của đơn vị vẫn còn tồn tại, vẫn còn tình trạng nợ đọng tiền BHXH, trốn tránh nghĩa vụ đóng BHXH của các chủ SDLĐ đặc biệt là khối DNNQD.

Vì vậy, quy trình quản lý thu cần phải được tập trung hoàn thiện ở một số khâu như:

Khâu đăng ký: Khâu này sẽ vẫn do đơn vị SDLĐ đảm nhận nhưng sau đó cơ quan BHXH phải chịu trách nhiệm đối chiếu, rà soát một cách chi tiết danh sách của đơn vị.

Nên đưa thêm khâu điều tra, khai thác đơn vị tham gia BHXH vào trong quá trình quản lý thu. Bởi quy trình quản lý thu hiện nay được áp dụng cho tất cả các loại đối tượng tham gia BHXH nhưng lại chưa thực sự phù hợp với đối tượng thuộc khu vực DNNQD. Do vậy, nếu đưa thêm khâu này vào trong quá trình quản lý thu sẽ làm cho công tác phát triển đối tượng tham gia mang lại hiệu quả. Đặc biệt tiến hành khâu này ở khu vực DNNQD thì hiệu quả đạt được lại càng cao, có nhiều đơn vị SDLĐ tham gia BHXH, từ đó số lượng NLĐ tham gia BHXH cũng tăng lên.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

KẾT LUẬN

Bảo hiểm xã hội là một chính sách xã hội lớn của Đảng và nhà nước, là trụ cột trong hệ thống an sinh xã hội của quốc gia. Chính sách BHXH đã và đang góp phần quan trọng để ổn định cuộc sống về vật chất và tinh thần NLD, giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và trên địa bàn huyện Quế Sơn nói riêng. Công tác quản lý thu BHXH là một trong những công tác quan trọng nhất trong quá trình thực hiện chính sách BHXH. Công tác này tác động trực tiếp đến cân đối và tăng trưởng nguồn quỹ BHXH, chia sẻ gánh nặng cho NSNN trong việc bảo đảm quyền lợi của các đối tượng tham gia và thụ hưởng chính sách BHXH theo quy định của pháp luật.

Trong những năm qua, công tác quản lý thu BHXH tại huyện Quế Sơn luôn được quan tâm và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, đó là: đối tượng tham gia BHXH ngày một phát triển, số NLD tham gia BHXH bắt buộc hàng năm tăng nhanh, đồng nghĩa với số tiền thu BHXH bắt buộc cũng tăng cao; quy trình quản lý thu ngày một chặt chẽ hơn đáp ứng yêu cầu quản lý; chất lượng công tác tuyên truyền, hướng dẫn kê khai, thái độ phục vụ được cải thiện đáng kể đã góp phần quan trọng trong quá trình thực hiện chính sách BHXH trên địa bàn. Mặc dù vậy, trước những vấn đề phát sinh từ thực tiễn, công tác này đã bộc lộ những hạn chế, tồn tại như: công tác theo dõi, quản lý lao động thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc còn hạn chế do địa bàn rộng, số lượng doanh nghiệp và lao động biến động thường xuyên dẫn đến tỷ lệ NLD tham gia BHXH đạt thấp, đặc biệt là khối DNNQD; công tác quản lý mức đóng còn nhiều bất cập; vấn đề nợ đóng, trốn đóng BHXH đang ngày càng diễn biến phức tạp; nhận thức của một bộ phận người SDLĐ về trách nhiệm, nghĩa vụ tham gia BHXH còn hạn chế đã ảnh hưởng không nhỏ đến quyền lợi của NLD. Những hạn chế, tồn tại nêu trên cần sớm có biện pháp để khắc phục kịp thời.

Đề tài “*Quản lý thu bảo hiểm xã hội tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam*” mà tác giả lựa chọn để nghiên cứu đã phân tích, đánh giá khá sâu sắc thực trạng

công tác quản lý thu BHXH bắt buộc trong 5 năm (từ năm 2013 – 2017). Trên cơ sở đó, tác giả đã đưa ra sáu nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thu BHXH, giai đoạn 2018 – 2025, đó là: hoàn thiện bộ máy quản lý công tác thu; quản lý đối tượng tham gia, phát triển mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội; khắc phục tình hình nợ đọng và trốn đóng bảo hiểm xã hội; nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền thực hiện chính sách, pháp luật BHXH; cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thu bảo hiểm xã hội; hoàn thiện quy trình thu bảo hiểm xã hội

Những giải pháp nêu trên nếu được quan tâm thực hiện một cách đồng bộ sẽ góp phần quan trọng vào việc hoạch định, hoàn thiện cơ chế quản lý về công tác thu BHXH; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc thực hiện chính sách BHXH, đưa chính sách BHXH của Đảng và Nhà nước đến với mọi người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế và tăng cường tính bền vững của hệ thống BHXH.

KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị với Chính phủ

Cần nghiên cứu, sớm đề xuất sửa đổi Luật BHXH. Riêng đối với lĩnh vực thu BHXH cần sửa đổi theo hướng mở rộng đối tượng thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc, nâng cao mức lãi suất do chậm đóng BHXH lên mức cao hơn mức lãi suất ngân hàng, bổ sung, sửa đổi chức năng thanh tra cho ngành BHXH để tăng cường xử lý, khắc phục tình trạng nợ đọng BHXH như hiện nay.

Ban hành, điều chỉnh các văn bản quy định nguyên tắc xây dựng thang, bảng lương để NLĐ và người SDLĐ có cơ sở xác định tiền lương hợp lý; thực hiện tốt công tác định mức lao động trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Bổ sung, hoàn thiện chính sách cho nghỉ hưu sớm đối với công nhân một số nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

2. Kiến nghị với Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Một là, tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan BHXH Việt Nam và các Bộ, ngành ở Trung ương như Bộ LĐ-TBXH, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thuế... để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về BHXH, tăng cường quản lý đối tượng và

quản lý mức đóng của người tham gia BHXH bắt buộc.

Hai là, Sửa đổi, bổ sung quy trình quản lý thu BHXH phù hợp với đặc điểm tổ chức hoạt động của từng khối loại hình tham gia, đặc biệt là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác...

Ba là, đầu tư cơ sở vật chất, bao gồm cả việc nâng cấp Trụ sở làm việc và trang bị nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, đặc biệt là nâng cấp các phần mềm nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu quản lý đối tượng, quản lý nguồn thu BHXH.

Bốn là, bổ sung nhân lực đủ về số lượng và đảm bảo năng lực, trình độ, phẩm chất để bố trí vào công tác quản lý thu BHXH bắt buộc; thường xuyên tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức nói chung, cán bộ chuyên quản thu nói riêng.

3. Kiến nghị với Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam

Một là, tăng cường công tác quản lý đối tượng và phát triển đối tượng tham gia BHXH. Trong hoạt động BHXH có hai nhóm đối tượng đó là nhóm đối tượng tham gia BHXH và nhóm đối tượng thụ hưởng BHXH. Nhóm đối tượng tham gia BHXH bao gồm các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và người lao động. Vì vậy, để đảm bảo nguồn thu BHXH, BHXH tỉnh Quảng Nam cần phải nắm chắc số lượng, phân cấp quản lý đồng bộ, tạo điều kiện cho BHXH cấp huyện thực hiện hiệu quả công tác quản lý thu trên địa bàn; ban hành các văn bản chỉ đạo thống nhất, để BHXH cấp huyện có cơ sở thực hiện, đảm bảo việc phát triển đối tượng tham gia BHXH bắt buộc.

Hiện nay, máy móc, thiết bị công nghệ thông tin đã được trang cấp tương đối đầy đủ nhưng chưa được đồng bộ, một số máy đã cũ nên khả năng đáp ứng công việc còn ở mức độ thấp; hệ thống mạng và máy chủ của cấp huyện chủ yếu do tự thiết lập, tuy đã đáp ứng được yêu cầu về nghiệp vụ song vẫn còn thiếu nhiều so với nhu cầu sử dụng. Do vậy, để công việc được thực hiện có hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu của ngành giao cho, BHXH tỉnh Quảng Nam cần trang bị cho BHXH cấp huyện nói chung và cán bộ làm công tác thu nói riêng máy móc thiết bị hiện đại, thay thế những máy móc cũ, làm việc không hiệu quả.

Ba là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chế độ chính

sách đối với các đơn vị SDLĐ khi có đề nghị của BHXH cấp huyện, để đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý thu BHXH.

Bốn là, tăng cường sự chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền địa phương để triển khai, tổ chức thực hiện thu BHXH. Định kỳ hàng tháng, quý, đề nghị Tỉnh uỷ, UBND Tỉnh chỉ đạo các Sở ban ngành như Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Liên đoàn lao động tỉnh, Thanh tra tỉnh phối hợp với BHXH tỉnh để tiến hành kiểm tra các đơn vị SDLĐ trong việc thực hiện chính sách pháp luật về BHXH; chỉ đạo UBND các huyện trong việc thực hiện chính sách pháp luật về BHXH

4. Kiến nghị với Ủy ban nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam

Chỉ đạo các ngành chức năng, UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chế độ chính sách, pháp luật về BHXH, tăng cường công tác quản lý nhà nước, giám sát việc thực hiện Luật BHXH trên địa bàn.

Chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường phối hợp thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chế độ BHXH cho NLĐ, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật BHXH, như: không tham gia, tham gia không đầy đủ, tham gia không kịp thời...

Có cơ chế chính sách để nuôi dưỡng nguồn thu như hỗ trợ phát triển sản xuất, đào tạo nguồn nhân lực, chính sách việc làm... Đây là việc làm hết sức cần thiết trong bối cảnh suy thoái kinh tế hiện nay nhằm tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, nhằm giảm bớt tình trạng vi phạm pháp luật BHXH ở một số doanh nghiệp, do lý do khách quan kể trên.

Những giải pháp và kiến nghị ở trên cần phải được thực hiện một cách đồng bộ, kịp thời trên phạm vi toàn huyện nhằm thúc đẩy thực hiện tốt công tác thu BHXH trên cả nước nói chung và huyện Quế Sơn nói riêng. Trên cơ sở đó chính sách BHXH ở nước ta ngày càng lớn mạnh và trở thành “trụ cột” của hệ thống An sinh xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mạc Tiến Anh (2005), “BHXH – Khái niệm và bản chất”, Tạp chí Bảo hiểm xã hội;
2. Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2008), Quyết định số 1414/QĐ-BHXH ngày 04/10/2016 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BHXH địa phương;
3. Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2011), Quyết định 1111/QĐ-BHXH ngày 25/10/2011 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam về việc ban hành Quy định quản lý thu BHXH, BHYT, quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT;
4. Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2015), Quyết định 528/QĐ-BHXH ngày 14/4/2015 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam ban hành quy định về giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế;
5. Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2015), Quyết định 959/QĐ-BHXH ngày 09/9/2015 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam Ban hành Quy định quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT;
6. Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2017), Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam Ban hành Quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT;
7. Bảo hiểm xã hội huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, Báo cáo tổng hợp thu BHXH, BHYT, BHTN các năm từ 2013 đến 2017;
8. Bảo hiểm xã hội huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, Báo cáo chi tiết đơn vị nợ BHXH, BHYT, BHTN các năm từ 2013 đến 2017;
9. Bảo hiểm xã hội huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, Báo cáo tổng hợp thu BHXH, BHYT, BHTN các năm 2017;
10. Bảo hiểm xã hội huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, Báo cáo tổng hợp thu BHXH, BHYT, BHTN các năm 2017;
11. Nguyễn Khánh Bật (2005), “Quan điểm của chủ tịch Hồ Chí Minh về BHXH”;

12. Ban Chấp hành Trung ương (2012), Nghị quyết 21-NQ/TW ngày 22/11/2012, Nghị quyết của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT giai đoạn 2012 -2020;
13. Ban Chấp hành Trung ương (2018), Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018, Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội;
14. Chính phủ (2006), Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 hướng dẫn một số điều của luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;
15. Chính phủ (2012), Nghị định số 103/2012/NĐ-CP ngày 04/12/2012 quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động;
16. Chính phủ (2013), Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;
17. Chính phủ (2013), Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 22/8/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động việt nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
18. Chính phủ (2013), Nghị định số 182/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động;
19. Chính phủ (2014), Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2014 quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động theo hợp đồng lao động;
20. Chính phủ (2015), Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 quy định chi tiết một số điều của luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;
21. Chính phủ (2015), Nghị định số 122/2015/NĐ-CP ngày 14/11/2015 quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có

- thuê mướn lao động theo hợp đồng lao động;
22. Chính phủ (2016), Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;
 23. Chính phủ (2016), Nghị định số 153/2016/NĐ-CP ngày 14/11/2016 quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;
 24. Chính phủ (2017), Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;
 25. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2002), Giáo trình khoa học quản lý, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
 26. Quốc hội (2006), Luật BHXH số 71/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
 27. Quốc hội (2014), Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014;
 28. Dương Xuân Triệu (2000), Cơ sở khoa học hoàn thiện quy trình quản lý thu BHXH, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, BHXH Việt Nam;
 29. Trần Quốc Túy (2006), Hoàn thiện quản lý thu BHXH khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh ở Việt Nam, Luận văn thạc sỹ kinh doanh và quản lý, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;
 30. PGS-TS Nguyễn Tiệp(2011), Giáo trình Bảo hiểm xã hội, NXB Lao động xã hội, Hà Nội;
 31. Thủ tướng Chính phủ(2013), Quyết định số 1215/QĐ-TTg ngày 23/7/2013 phê duyệt chiến lược phát triển ngành bảo hiểm xã hội việt nam đến năm 2020;